

Số: *01* /2019/BB-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 23 tháng 08 năm 2019.

BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

I. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY:

1. Tên công ty: **Công ty Cổ phần Solavina.**
2. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 8, số 71 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội
3. Giấy chứng nhận ĐKKD số 0101612880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 21/02/2005. Đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 30/11/2018.

II. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẠI HỘI:

1. Thời gian: 8 giờ 30 phút, ngày 23/08/2019.
2. Địa điểm: Tầng 3 tòa nhà 25T2, Phố Nguyễn Thị Thập, đường Hoàng Đạo Thúy, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam.

III. THÀNH PHẦN THAM DỰ:

- Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành của Công ty
- Số cổ đông tham dự trực tiếp và thông qua ủy quyền là 8 cổ đông, đại diện cho số lượng cổ phần sở hữu và được ủy quyền là 15.095.800 cổ phần, chiếm 71,88% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty là 21.000.000 cổ phần.

IV. KHAI MẠC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019:

1. Đề đại hội tiến hành đúng quy định, Bà **Lý Thị Thu Hương** - Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông trình bày Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự đại hội tại thời điểm 9 giờ 00 phút:
 - Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty là: 21.000.000 cổ phần.
 - Cổ đông mời tham dự gồm: Cổ đông của Công ty Cổ phần Solavina có tên trong danh sách cổ đông chốt ngày 01/08/2019.

- Tổng số cổ đông tham dự trực tiếp và thông qua ủy quyền có mặt tham dự đại hội là 08 cổ đông, đại diện cho số lượng cổ phần sở hữu và được ủy quyền là 15.095.800 cổ phần, chiếm 71,88% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Solavina.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Solavina, Đại hội cổ đông cổ đông thường niên năm 2019 đủ điều kiện tiến hành.

2. ĐHĐCĐ đã bầu Đoàn Chủ tịch và Thư ký đại hội:

- Đoàn Chủ tịch gồm:
 - Ông Nguyễn Hồng Quang – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Solavina - Chủ tọa Đại hội.
 - Bà Lê Thị Minh Thu – Kế toán trưởng Công ty.
- Chủ tọa đại hội giới thiệu Thư ký đại hội:
 - Bà Hoàng Thị Tuyết Lan – Thư ký đại hội

Thành phần Đoàn Chủ tịch và Thư ký đại hội được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

3. ĐHĐCĐ đã bầu Ban kiểm phiếu:

- Bà Lý Thị Thu Hương – Trưởng Ban
- Ông Nguyễn Hải Đăng – Ủy viên

Thành phần Ban Kiểm phiếu được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

4. Bà Hoàng Thị Tuyết Lan – Thư ký đại hội trình bày Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Solavina.

Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

5. Thông qua chương trình nghị sự của Đại hội:

Ông Nguyễn Hồng Quang: Chủ tọa Đại hội thông báo chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, cụ thể:

Nội dung 1: Báo cáo của Ban giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch năm 2019.

Nội dung 2: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018 và kế hoạch năm 2019.

Nội dung 3: Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018 và kế hoạch năm 2019.

Nội dung 4: Tờ trình phương án chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018, phương án thù lao năm 2019 và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018, kế hoạch năm 2019.

Nội dung 5: Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

Nội dung 6: Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính trong năm 2019.

Nội dung 7: Tờ trình về việc thay đổi tên và trụ sở làm việc Công ty.

Nội dung 8: Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ Công ty.

Nội dung 9: Tờ trình về Quy chế quản trị nội bộ Công ty.

Nội dung 10: Tờ trình thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty.

Nội dung 11: Tờ trình về việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty.

Nội dung 12: Tờ trình ủy quyền Hội đồng quản trị phê duyệt các nội dung khác thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ.

Nội dung 13: Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty.

Nội dung 14: Tờ trình giới thiệu nhân sự bầu thành viên Hội đồng quản trị.

Nội dung 15: Bầu thành viên Hội đồng quản trị Công ty.

Chương trình được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua với tỷ lệ **100%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

V. CÁC NỘI DUNG BÁO CÁO, TỜ TRÌNH ĐƯỢC TRÌNH BÀY

1. Đại hội đã nghe Ông Nguyễn Hồng Quang – Chủ tọa Đại hội trình bày các báo cáo sau:
 - Báo cáo của Ban giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch năm 2019.
 - Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2018 và kế hoạch năm 2019.
2. Đại hội đã nghe Bà Lý Thị Thu Hương – Trưởng Ban kiểm soát trình bày các báo cáo và tờ trình sau:
 - Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018 và kế hoạch năm 2019.
3. Đại hội đã nghe Ông Nguyễn Hồng Quang – Chủ tọa Đại hội trình bày:
 - Tờ trình phương án chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018, phương án thù lao năm 2019 và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018, kế hoạch năm 2019.
4. Đại hội đã nghe Bà Lê Thị Minh Thu – Kế toán trưởng trình bày:
 - Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).
 - Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính trong năm 2019.
5. Đại hội đã nghe Ông Nguyễn Hồng Quang – Chủ tọa Đại hội trình bày các tờ trình sau:
 - Tờ trình về việc thay đổi tên và trụ sở làm việc Công ty.
 - Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ Công ty.

- Tờ trình về Quy chế quản trị nội bộ Công ty.
 - Tờ trình thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty.
 - Tờ trình về việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty.
 - Tờ trình ủy quyền Hội đồng quản trị phê duyệt các nội dung khác thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ.
 - Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty.
 - Tờ trình giới thiệu nhân sự bầu thành viên Hội đồng quản trị.
6. Đại hội đã nghe Bà Lý Thị Thu Hương – Trưởng ban Kiểm phiếu đọc Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị.

ĐHĐCĐ thống nhất thông qua Quy chế bầu cử và danh sách ứng cử thành viên Hội đồng quản trị với tỷ lệ **100%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

Bà Lý Thị Thu Hương hướng dẫn cổ đông hình thức bầu cử. Đại hội tiến hành bỏ phiếu bầu cử theo đúng quy định.

VI. THẢO LUẬN VÀ Ý KIẾN CỔ ĐÔNG

1. Cổ đông Nguyễn Bá Thức – Có ý kiến bổ sung thêm nội dung Giám đốc Công ty – Nguyễn Hồng Quang có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ thuế còn tồn tại của Công ty với cơ quan thuế trước 15/9/2019. Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo cũ Công ty chịu trách nhiệm đối với các khoản công nợ phải thu, phải trả, các khoản đầu tư thua lỗ hiện tại của Công ty.

100% số cổ đông dự họp tại đại hội đồng ý với ý kiến bổ sung của Cổ đông Nguyễn Bá thức

Đoàn chủ tọa xin ý kiến biểu quyết trực tiếp tại đại hội 100% số cổ đông tham dự đại hội đồng ý với nội dung trên

Đoàn chủ tọa và Đại hội đã lắng nghe ý kiến khác của các cổ đông và tiến hành thảo luận về nội dung các tờ trình và các vấn đề khác đã được trình bày tại đại hội. Đại hội đã thống nhất các nội dung trình bày, giải thích tại đại hội và không có ý kiến gì khác.

VII. BIỂU QUYẾT

Tại thời điểm kiểm phiếu biểu quyết vào 11 giờ 00 phút:

Tổng số Phiếu phát ra: 8 phiếu, đại diện cho 15.095.800 cổ phần có quyền biểu quyết.

Tổng số Phiếu thu về: 8 phiếu, đại diện cho 15.095.800 cổ phần có quyền biểu quyết..

Trong đó: Số phiếu hợp lệ: 8 phiếu, đại diện cho 15.095.800 cổ phần có quyền biểu quyết.

Số phiếu không hợp lệ: 0 Phiếu đại diện cho 0 cổ phần có quyền biểu quyết

Kết quả biểu quyết từng nội dung như sau:

2. Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch năm 2019 với một số chỉ tiêu chính như sau:
 - Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2018:

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	Tăng trưởng
1	Vốn điều lệ	210	210	0%
2	Tổng Doanh thu	11,76	32,14	173,3%
3	Lợi nhuận trước thuế	(2,39)	0,98	141%
4	Cổ tức	0%	0%	0%

- Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2019:

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019
1	Vốn điều lệ	210	210
2	Tổng doanh thu	32,14	50
3	Lợi nhuận trước thuế	0,98	2
4	Cổ tức	0%	0%

100% Đồng ý 0 % Không đồng ý 0% Không có ý kiến

3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018 và kế hoạch năm 2019;

100% Đồng ý 0 % Không đồng ý 0% Không có ý kiến

4. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018 và kế hoạch năm 2019;

100% Đồng ý 0 % Không đồng ý 0% Không có ý kiến

5. Thông qua phương án chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018, phương án thù lao năm 2019 và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018, kế hoạch năm 2019 (theo tờ trình số 04/2019/TTr-SOLA). Cụ thể như sau:

- Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát được nhận trong năm 2018: 178.307.692 đồng.
- Phương án thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019:

+ Do Công ty đang trong quá trình tái cấu trúc và trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 Công ty, HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông không chi trả thù lao cho HĐQT và BKS.

- Phương án phân phối lợi nhuận 2018: Trên cơ sở kết quả sản xuất năm 2018 của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty kính trình không trích lập các quỹ và không chia cổ tức năm 2018.
- Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2019: Hội đồng quản trị kính trình ĐHCĐ không chia cổ tức, không trích lập các quỹ do Công ty đang trong quá trình tái cấu trúc.

100% Đồng ý 0 % Không đồng ý 0% Không có ý kiến

6. Thông qua Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) (theo tờ trình số 05/2019/TTr-SOLA).

100% Đồng ý 0 % Không đồng ý 0% Không có ý kiến

7. Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính trong năm 2019 (theo tờ trình số 06/2019/TTr-SOLA).

Đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán soát xét báo cáo tài chính bán niên năm 2019 và báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty như sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA);
- Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam;

Trường hợp không thương lượng được với các công ty kiểm toán trong danh sách nêu trên thì ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT được phép lựa chọn Công ty Kiểm toán khác phù hợp có tên trong danh sách được kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

100% Đồng ý 0 % Không đồng ý 0% Không có ý kiến

8. Thông qua Tờ trình về việc thay đổi tên và trụ sở làm việc Công ty (theo tờ trình số 07/2019/TTr-SOLA).

100% Đồng ý 0 % Không đồng ý 0% Không có ý kiến

9. Thông qua Tờ trình về sửa đổi Điều lệ Công ty (theo tờ trình số 08/2019/TTr-SOLA).

100% Đồng ý 0 % Không đồng ý 0% Không có ý kiến

10. Thông qua Tờ trình về Quy chế quản trị nội bộ Công ty (theo tờ trình số 09/2019/TTr-SOLA).

100% Đồng ý 0 % Không đồng ý 0% Không có ý kiến

11. Thông qua Tờ trình thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty (theo tờ trình số 10/2019/TTr-SOLA).

100% Đồng ý 0 % Không đồng ý 0% Không có ý kiến

12. Thông qua Tờ trình về việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty (theo tờ trình số 11/2019/TTr-SOLA).

100% Đồng ý

0 % Không đồng ý

0% Không có ý kiến

13. Thông qua Tờ trình ủy quyền Hội đồng quản trị phê duyệt các nội dung khác thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ (theo tờ trình số 12/2019/TTr-SOLA):

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền Hội đồng quản trị chủ động quyết định và triển khai các nội dung thực hiện các công việc đã được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua (bao gồm cả việc triển khai thực hiện các trình tự, thủ tục, làm việc với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đạt được mục tiêu kế hoạch đặt ra trong năm 2019 phù hợp với quy định pháp luật hiện hành). Ngoài ra, trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền hội đồng quản trị được triển khai tất cả các vấn đề khác thuộc thẩm quyền phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông và thực hiện báo cáo lại tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất mà không phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường.

Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT phê duyệt các giao dịch của Công ty với các cá nhân, tổ chức có liên quan theo quy định tại điểm a, khoản 4 Điều 26 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2016 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng với Công ty đại chúng.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền Hội đồng quản trị quyết định đầu tư, ký kết các giao dịch bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, thực hiện báo cáo kết quả tại đại hội đồng cổ đông gần nhất.

100% Đồng ý

0 % Không đồng ý

0% Không có ý kiến

14. Thông qua Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty (theo tờ trình số 13/2019/TTr-SOLA), cụ thể như sau:

Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị đối với các ông bà sau:

- Ông Lê Trường Sơn – miễn nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT.
- Bà Trần Thị Chinh – miễn nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT.
- Bà Bùi Thị Ngọc Yến – miễn nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT.
- Ông Nguyễn Ngọc Anh – miễn nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT.

Miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát đối với các ông bà sau:

- Bà Lý Thị Thu Hương – miễn nhiệm chức vụ Trưởng Ban kiểm soát.
- Ông Cao Đình Huỳnh – miễn nhiệm chức vụ Thành viên BKS.
- Bà Nguyễn Thị Lan Hương – miễn nhiệm chức vụ Thành viên BKS

100% Đồng ý

0 % Không đồng ý

0% Không có ý kiến

15. Thông qua danh sách thành viên Hội đồng quản trị trúng cử, cụ thể:

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ	Kết quả
1	Ông Nguyễn Sỹ Cường	15.095.800	100%	Trúng cử
2	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	15.095.800	100%	Trúng cử

3	Ông Hoàng Thanh Tùng	15.095.800	100%	Trúng cử
4	Ông Nguyễn Anh Trung	15.095.800	100%	Trúng cử

16. Thông qua nội dung Giám đốc Công ty – Nguyễn Hồng Quang có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ thuế còn tồn tại của Công ty với cơ quan thuế trước 15/9/2019.

Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo cũ Công ty chịu trách nhiệm đối với các khoản công nợ phải thu, phải trả, các khoản đầu tư thua lỗ hiện tại của Công ty

100% Đồng ý 0 % Không đồng ý 0% Không có ý kiến

VIII. THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT VÀ BIÊN BẢN ĐẠI HỘI

Bà Hoàng Thị Tuyết Lan – Thư ký đại hội trình bày Biên bản và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.

Biên bản và Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

Đại hội bế mạc hồi 11 giờ 30 phút cùng ngày.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Các TV HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Ban GD Công ty;
- Lưu VT,


Hoàng Thị Tuyết Lan


CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Hồng Quang

Số: 01 /2019/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 23 tháng 08 năm 2019.

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội khóa 13 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Solavina;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Solavina ngày 23 tháng 08 năm 2019.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch năm 2019 với một số chỉ tiêu chính như sau:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2018:

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	Tăng trưởng
1	Vốn điều lệ	210	210	0%
2	Tổng Doanh thu	11,76	32,14	173,3%
3	Lợi nhuận trước thuế	(2,39)	0,98	141%
4	Cổ tức	0%	0%	0%

- Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2019:

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019
1	Vốn điều lệ	210	210
2	Tổng doanh thu	32,14	50
3	Lợi nhuận trước thuế	0,98	2



4	Cổ tức	0%	0%
---	--------	----	----

Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018 và kế hoạch năm 2019.

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018 và kế hoạch năm 2019.

Điều 4. Thông qua phương án chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018, phương án thù lao năm 2019 và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018, kế hoạch năm 2019 (theo tờ trình số 04/2019/TTr-SOLA). Cụ thể như sau:

- Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát được nhận trong năm 2018: 178.307.692 đồng.
- Phương án thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019:
 - + Do Công ty đang trong quá trình tái cấu trúc và trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 Công ty, HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông không chi trả thù lao cho HĐQT và BKS.
- Phương án phân phối lợi nhuận 2018: Trên cơ sở kết quả sản xuất năm 2018 của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty kính trình không trích lập các quỹ và không chia cổ tức năm 2018.
- Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2019: Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ không chia cổ tức, không trích lập các quỹ do Công ty đang trong quá trình tái cấu trúc.

Điều 5. Thông qua Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) (theo tờ trình số 05/2019/TTr-SOLA)

Điều 6. Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính trong năm 2019 (theo tờ trình số 06/2019/TTr-SOLA)

Đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán soát xét báo cáo tài chính bán niên năm 2019 và báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty như sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA);
- Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam;

Trường hợp không thương lượng được với các công ty kiểm toán trong danh sách nêu trên thì ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT được phép lựa chọn Công ty Kiểm toán khác phù hợp có tên trong danh sách được kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 7. Thông qua Tờ trình về việc thay đổi tên và trụ sở làm việc Công ty (theo tờ trình số 07/2019/TTr-SOLA).

Điều 8. Thông qua Tờ trình về sửa đổi Điều lệ Công ty (theo tờ trình số 08/2019/TTr-SOLA).

Điều 9. Thông qua Tờ trình về Quy chế quản trị nội bộ Công ty (theo tờ trình số 09/2019/TTr-SOLA).

Điều 10. Thông qua Tờ trình thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty (theo tờ trình số 10/2019/TTr-SOLA).

Điều 11. Thông qua Tờ trình về việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty (theo tờ trình số 11/2019/TTr-SOLA).

Điều 12. Thông qua Tờ trình ủy quyền Hội đồng quản trị phê duyệt các nội dung khác thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ (theo tờ trình số 12/2019/TTr-SOLA):

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền Hội đồng quản trị chủ động quyết định và triển khai các nội dung thực hiện các công việc đã được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua (bao gồm cả việc triển khai thực hiện các trình tự, thủ tục, làm việc với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đạt được mục tiêu kế hoạch đặt ra trong năm 2019 phù hợp với quy định pháp luật hiện hành). Ngoài ra, trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền hội đồng quản trị được triển khai tất cả các vấn đề khác thuộc thẩm quyền phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông và thực hiện báo cáo lại tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất mà không phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường.

Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT phê duyệt các giao dịch của Công ty với các cá nhân, tổ chức có liên quan theo quy định tại điểm a, khoản 4 Điều 26 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2016 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng với Công ty đại chúng.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền Hội đồng quản trị quyết định đầu tư, ký kết các giao dịch bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, thực hiện báo cáo kết quả tại đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Điều 13. Thông qua Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty (theo tờ trình số 13/2019/TTr-SOLA), cụ thể như sau:

Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị đối với các ông bà sau:

1. Ông Lê Trường Sơn – miễn nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT.
2. Bà Trần Thị Chinh – miễn nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT.
3. Bà Bùi Thị Ngọc Yến – miễn nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT.
4. Ông Nguyễn Ngọc Anh – miễn nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT.

Miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát đối với các ông bà sau:

1. Bà Lý Thị Thu Hương – miễn nhiệm chức vụ Trưởng Ban kiểm soát.
2. Ông Cao Đình Huỳnh – miễn nhiệm chức vụ Thành viên BKS.
3. Bà Nguyễn Thị Lan Hương – miễn nhiệm chức vụ Thành viên BKS

Điều 14. Thông qua danh sách thành viên Hội đồng quản trị trúng cử, cụ thể:

1. Ông Nguyễn Sỹ Cường
2. Bà Nguyễn Thị Thu Hương
3. Ông Hoàng Thanh Tùng
4. Ông Nguyễn Sỹ Cường

Điều 15. Thông qua nội dung Giám đốc Công ty – Nguyễn Hồng Quang có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ thuế còn tồn tại của Công ty với cơ quan thuế trước 15/9/2019.

Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo cũ Công ty chịu trách nhiệm đối với các khoản công nợ phải thu, phải trả, các khoản đầu tư thua lỗ hiện tại của Công ty

Điều 16. Điều khoản thi hành

Các quyết định nêu tại Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Solavina thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Các ông (bà) thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai thực hiện theo chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

Nơi nhận:

- BGD (để thực hiện);
- Các Ủy viên HĐQT;
- Các thành viên BKS;
- Lưu VT, HĐQT.

T/M.ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA



Số: 01/QC-SVN

Hà Nội, ngày 23 tháng 08 năm 2019

QUY CHẾ

BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019 CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

- Căn cứ luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Solavina;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Solavina tiến hành bầu cử thay thế thành viên Hội đồng quản trị các nội dung sau đây:

Điều 1. Đối tượng thực hiện bầu cử

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông Công ty Cổ phần Solavina do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chốt ngày 01/08/2019.

Điều 2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Theo quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp số 68/2015/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 (Luật Doanh nghiệp) và các văn bản hướng dẫn thi hành, thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông Công ty
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị Công ty khác.

Điều 3. Đề cử ứng viên Hội đồng quản trị và số thành viên được bầu

3.1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị

Số lượng bầu thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Solavina là 04 thành viên;

3.2. Đề cử ứng viên Hội đồng quản trị

- Các cổ đông nắm giữ tối thiểu 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành



viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

Điều 4. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

- 4.1. Danh sách ứng cử viên Hội đồng quản trị
 - Được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.
- 4.2. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu
 - Phiếu bầu được in thông nhất, có tổng số quyền biểu quyết theo mã số cổ đông;
 - Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát phiếu bầu Hội đồng quản trị theo mã số cổ đông (sở hữu và/hoặc ủy quyền);
 - Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban Kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác;
 - Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền phải tự mình ghi số quyền biểu quyết bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống của ứng cử viên đó trên phiếu bầu.
- 4.3. Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ
 - Phiếu không theo Mẫu quy định của SVN, không có dấu của SVN;
 - Phiếu gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm tên không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội đồng cổ đông thông nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
 - Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó nắm giữ (bao gồm quyền sở hữu và/hoặc được ủy quyền).

Điều 5. Phương thức bầu cử và nguyên tắc bầu dồn phiếu

- Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu.
- Mỗi cổ đông có tổng số quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm cả số cổ phần sở hữu và được ủy quyền) nhân với số lượng thành viên được bầu Hội đồng quản trị.
- Cổ đông có thể dồn hết tổng số quyền biểu quyết cho một (01) ứng cử viên, hoặc chia đều số quyền biểu quyết cho tất cả các ứng viên, hoặc chỉ lấy một phần/toàn bộ quyền biểu quyết để bầu cho một số ứng cử viên, hoặc không bầu (bỏ phiếu trắng) với điều kiện tổng số quyền biểu quyết không vượt quá số quyền biểu quyết cổ đông đó sở hữu/đại diện sở hữu.
- Cổ đông có thể dồn hết tổng số quyền biểu quyết cho một (01) ứng cử viên, hoặc chia đều số quyền biểu quyết cho tất cả các ứng viên, hoặc chỉ lấy một phần/toàn bộ quyền biểu quyết để bầu cho một số ứng cử viên, hoặc không bầu (bỏ phiếu trắng) với điều kiện tổng số quyền biểu quyết không vượt quá số quyền biểu quyết cổ đông đó sở hữu/đại diện sở hữu.

Điều 6. Ban Kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

- 6.1. Ban Kiểm phiếu
 - Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm:
 - + Thông qua Quy chế Bầu cử;
 - + Giới thiệu nội dung và cách ghi phiếu bầu và phát phiếu bầu;
 - + Tiến hành kiểm phiếu;
 - + Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.
- Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Hội đồng quản trị;

6.2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

- Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;
- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;
- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;
- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban Kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

Điều 7. Nguyên tắc trúng cử thành viên Hội đồng quản trị

Nguyên tắc trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo tỷ lệ phần trăm phiếu bầu trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm cả số cổ phần sở hữu và/hoặc được ủy quyền) tính từ cao xuống thấp.

Điều 8. Lập và công bố Biên bản Kiểm phiếu

- Sau khi kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu phải lập Biên bản Kiểm phiếu. Nội dung Biên bản Kiểm phiếu bao gồm các nội dung chính như sau: Ban bầu cử; Danh sách đề cử; Tổng số phiếu phát ra, tổng số phiếu thu về, tổng số phiếu hợp lệ, tổng số phiếu không hợp lệ tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm cả số cổ phần sở hữu và/hoặc được ủy quyền); Kết quả kiểm phiếu, và Danh sách trúng cử.
- Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

Điều 9. Quy định khác

Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa Đại hội giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm có 10 (mười) Điều, được đọc công khai tại Đại hội đồng cổ có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 biểu quyết thông qua.


TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY
CỔ PHẦN
SOLAVINA
CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Hồng Quang

Số: 02/QC-SVN

Hà Nội, ngày 23 tháng 08 năm 2019

QUY CHẾ

TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA (SVN)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Solavina (SVN).

Điều 2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thủ tục tiến hành Đại hội.

Điều 3. Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Chương II QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông

4.1. Điều kiện tham dự Đại hội:

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu SVN theo danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chốt ngày 01/08/2019 hoặc những người được uỷ quyền tham dự hợp lệ.

4.2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự đại hội:

a. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền đến dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:

- Thông báo mời họp.
- Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu.
- Giấy uỷ quyền (trường hợp được uỷ quyền tham dự Đại hội).

(Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản uỷ quyền phải được ký bởi cổ đông đó. Trường hợp cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì phải được đóng dấu và được ký bởi người đại diện theo pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó).

Sau khi xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông, cổ đông hoặc người được uỷ quyền đến dự Đại hội được nhận Thẻ/Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử (ghi tên cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông đó). Giá trị của Thẻ/Phiếu biểu



quyết, Phiếu bầu cử mà cổ đông hoặc người được uỷ quyền đến dự Đại hội tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

- b. Được uỷ quyền bằng văn bản cho người nhận uỷ quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Người được uỷ quyền tham dự Đại hội không được uỷ quyền lại cho người khác tham dự Đại hội.
- c. Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội đã được thông qua. Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp. Cổ đông tham dự Đại hội cũng có thể ghi các nội dung vào Phiếu câu hỏi, chuyển cho Ban Thư ký.
- d. Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của SVN.
- e. Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới dự họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.
- f. Trong thời gian tiến hành Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.
- g. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi Đại hội đã khai mạc, sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, được tham dự và tham gia biểu quyết về các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa, Đoàn Chủ tịch

- 5.1. Chủ tịch HĐQT là Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, được ĐHCĐ thông qua tại cuộc họp.
- 5.2. Nhiệm vụ của Đoàn chủ tịch:
 - a. Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự; phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông, đại diện cổ đông tham dự.
 - b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận.
 - c. Trình dự thảo và những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết.
 - d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị SVN quyết định. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội nhận giấy tờ của cổ đông hoặc người được uỷ quyền đến họp để kiểm tra tính hợp lệ và đối chiếu với danh sách cổ đông có quyền dự họp đã chốt tại thời điểm ngày 01/08/2018; Phát các tài liệu, Thẻ/Phiếu biểu quyết; Phiếu

bầu cử và báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký Đại hội

- 7.1. Chủ tọa giới thiệu Ban Thư ký Đại hội và tổ chức lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.
- 7.2. Ban Thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, bao gồm:
 - a. Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung Đại hội.
 - b. Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo Biên bản và Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.
 - c. Tiếp nhận phiếu câu hỏi của cổ đông.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu

- 8.1. Chủ tọa giới thiệu Ban Kiểm phiếu và tổ chức lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.
- 8.2. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:
 - a. Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông hoặc người đại diện tham dự Đại hội.
 - b. Tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung và thông báo kết quả cho Chủ tọa và Ban Thư ký Đại hội.
 - c. Tiếp nhận phiếu câu hỏi của các cổ đông.

Chương III

TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông Công ty Cổ phần Solavina do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chốt ngày 01/08/2019.

Điều 10. Trật tự của Đại hội

- 10.1. Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội ăn mặc chỉnh tề.
- 10.2. Cổ đông khi vào phòng Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban Tổ chức Đại hội quy định. Tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban Tổ chức.
- 10.3. Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.
- 10.4. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong khi Đại hội diễn ra. Điện thoại di động phải tắt hoặc không để chuông.

Điều 11. Cách thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

Tất cả các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông tham dự Đại hội bằng THẺ/PHIẾU BIỂU



QUYẾT theo số cổ phần sở hữu/đại diện sở hữu và uỷ quyền. Mỗi cổ đông được cấp 01 THẺ BIỂU QUYẾT và 01 PHIẾU BIỂU QUYẾT trong đó ghi: Tên Cổ đông; Số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu/đại diện sở hữu và/hoặc được uỷ quyền) của cổ đông và có đóng dấu treo của SVN.

- 11.1. **THẺ BIỂU QUYẾT:** được in trên giấy **màu trắng**, dùng để biểu quyết các nội dung sau:
- Thông qua thành phần Đoàn chủ tịch đại hội;
 - Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019;
 - Thông qua Chương trình nghị sự;
 - Thông qua thành phần Ban Thư ký và Ban Kiểm phiếu;
 - Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- 11.2. **PHIẾU BIỂU QUYẾT:** được in trên giấy **màu xanh**, dùng để biểu quyết các nội dung theo tờ trình.
- 11.3. **PHIẾU BẦU CỬ:** được in trên giấy **màu vàng**, dùng để bầu thành viên HĐQT.

Điều 12. Thông qua Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông

- 12.1. Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề trong chương trình Đại hội được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông và đại diện cổ đông dự họp chấp thuận.

Chương IV

KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 13. Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

- 13.1. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.
- 13.2. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải được lưu giữ tại Công ty Cổ phần Solavina.

Điều 14. Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm 14 (mười bốn) Điều, được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 biểu quyết thông qua.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

M.S.D.N: 0107612880 - C.T.C.P

CÔNG TY
CỔ PHẦN
SOLAVINA

Q. ĐÔNG ĐÀ - TP. HÀ NỘI

CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Hồng Quang

**SOLAVINA**

Số: 01/2019/BC-SOLA

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Solavina

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Solavina;
- Căn cứ tình hình kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch năm 2019 của Công ty Cổ phần Solavina;

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Solavina xin được báo cáo về kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2018 như sau:

PHẦN I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

I. BÁO CÁO CỦA BGD VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

Năm 2018, hoạt động của công ty có nhiều thay đổi về mặt tổ chức và công tác quản trị của công ty. Trước tình hình đó Ban Giám đốc Công ty đã nỗ lực thực hiện và triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh, bám sát chủ trương đã đề ra của Công ty dưới sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị Công ty.

1. Tình hình nhân sự, thù lao và chi phí hoạt động của Ban Giám đốc

Trong năm 2018, Ban Giám đốc Công ty đã có sự thay đổi về nhân sự như sau:

- o Miễn nhiệm chức danh Giám đốc đối với Ông Nguyễn Ngọc Anh và bổ nhiệm chức danh Giám đốc đối với Ông Nguyễn Hồng Quang kể từ ngày 11/06/2018.

Thu nhập HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát nhận trong năm 2018: 178.307.692 đồng

2. Kết quả các chỉ tiêu chính trong năm 2018 đã được kiểm toán

Ban Giám đốc Công ty xin báo cáo một số chỉ tiêu chính về kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2018 như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Nội dung	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	Tăng trưởng
1	Vốn điều lệ	210	210	0%
2	Tổng Doanh thu	11,76	32,14	173,3%
3	Lợi nhuận trước thuế	(2,39)	0,98	141%



4	Cổ tức	0%	0%	-
---	--------	----	----	---

(Nguồn: Báo cáo tài chính tổng hợp kiểm toán năm 2018)

II. ĐÁNH GIÁ CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

1. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính

Năm 2017, Công ty tập trung mở rộng và đầu tư phát triển lĩnh vực dược liệu, nông sản. Sau giai đoạn đầu tư ban đầu thì sang năm 2018, các dự án phát triển dược liệu Việt và việc liên kết hợp tác với nông dân tại các vùng trồng đã đi vào hoạt động. Trong đó, doanh thu trong năm 2018 đã tăng 173,3%; lợi nhuận trước thuế tăng 141% so với năm 2017.

2. Hoạt động đầu tư, góp vốn

- Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện thu số tiền 30 tỷ đồng từ ông Đoàn Quang Ảnh theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp tại Công ty Cổ phần Đầu tư Merici Việt Nam ngày 24/12/2016.
- Với mục đích thu hẹp các vùng trồng dược liệu, nông sản không hiệu quả, ngày 29/11/2018 Công ty đã thực hiện chuyển nhượng 3.558.000 cổ phần nắm giữ tại Công ty Cổ phần Dược liệu Solavina Hòa Bình tương đương với tổng giá trị chuyển nhượng là 35.580.000.000 đồng cho một số cá nhân.
- Đồng thời, nhận thấy tiềm năng hoạt động của Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam, Công ty đã thực hiện mua 368.000 cổ phần tại Công ty này với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần với tổng giá trị là 36.800.000.000 đồng tương đương với 7,7% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam.
- Bên cạnh đó, trong năm 2018 Công ty duy trì khoản đầu tư tài chính dài hạn tại hai đơn vị khác, bao gồm:
 - o Công ty Cổ phần Nông nghiệp Việt Nhật (nắm giữ 342.000 cổ phần mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần tương đương với 19% vốn điều lệ).
 - o Công ty Cổ phần Thủy sản Sông Công (nắm giữ 180.000 cổ phần mệnh giá 20.000 đồng/cổ phần tương đương với 18% vốn điều lệ).

3. Công tác tài chính kế toán

- Công tác quản lý tài chính được kiểm soát chặt chẽ, cập nhập đầy đủ, chính xác.
- Chấp hành nghiêm túc lập báo cáo tài chính theo đúng chuẩn mực kế toán.
- Xây dựng các biện pháp quản lý tốt và sử dụng hiệu quả nguồn vốn trong quá trình sản xuất kinh doanh.
- Tái cơ cấu nhân sự đề chủ động công việc liên quan đến tài chính kế toán, nguồn vốn.

4. Đánh giá chung

Năm 2018 là một năm với nhiều khó khăn và thử thách đối với Công ty. Tuy nhiên, cùng với sự nỗ lực của Ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên, Công ty đã từng bước nỗ lực nhằm ổn định hoạt động sản xuất, tìm phương hướng giải quyết cụ thể, tạo tiền đề cho sự phát triển của Công ty trong những năm tiếp theo.

PHẦN 2. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

Căn cứ tình hình thực tế, các công việc chuyển tiếp cũng như nguồn công việc dự kiến sẽ ký hợp đồng trong năm 2019, Công ty xây dựng mục tiêu kế hoạch năm 2019 kính trình Đại hội đồng cổ đông, cụ thể như sau:

1. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:

Hội đồng quản trị trình ĐHCĐ kế hoạch thực hiện năm 2019 như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019
1	Vốn điều lệ	210	210
2	Tổng doanh thu	32,14	50
3	Lợi nhuận trước thuế	0,98	2
4	Cổ tức	0%	0%

2. Các giải pháp triển khai cụ thể với từng lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

a. Lĩnh vực Dược liệu:

- Quy hoạch lại vùng trồng, tập trung vào các vùng trồng hiệu quả;
- Thu gọn hợp đồng đầu tư tại các vùng trồng dược liệu không hiệu quả;
- Ký hợp đồng phân phối sản phẩm với các đơn vị đối tác;
- Xây dựng cơ chế giá linh hoạt phù hợp với biến động thị trường;
- Có cơ chế giao khoán dựa trên hợp tác cùng các hộ nông dân ở các vùng trồng.

b. Lĩnh vực xây lắp, bất động sản:

- Mở rộng hướng phát triển sang thị trường xây lắp và bất động sản;
- Tích cực tìm kiếm các hợp đồng và khách hàng tiềm năng trong lĩnh vực này.

c. Hoạt động đầu tư

- Phát triển đa dạng các loại hình đầu tư.
- Quản lý có hiệu quả các khoản đầu tư nhằm gia tăng lợi nhuận và hạn chế rủi ro trong việc sử dụng vốn.
- Tăng cường tìm kiếm khách hàng tiềm năng, tích cực thu hồi các khoản đầu tư không hiệu quả hoặc hiệu quả thấp để tái đầu tư.
- Tăng cường công tác phối hợp giữa Hội đồng quản trị Công ty và Ban giám đốc đảm bảo các chủ trương, quyết sách từ Hội đồng quản trị được triển khai kịp thời, hiệu quả nhất.
- Minh bạch trong công tác quản lý, điều hành.
- Xây dựng cơ chế, chế độ phù hợp cho từng bộ phận trong Công ty đảm bảo phát huy hiệu quả năng lực của người lao động.



Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ của Công ty năm 2019. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Xin chân thành cảm ơn!

T.M/ BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY



NGUYỄN HỒNG QUANG



SOLAVINA

Số: 02/2019/BC-SOLA

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2019

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
Công ty Cổ phần Solavina

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Solavina;
- Căn cứ kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018.

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Solavina, tôi xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 tình hình thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản trị trong năm 2018 và phương hướng hoạt động trong năm 2019.

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÁC LĨNH VỰC CÔNG TÁC

1. Về nhân sự của Hội đồng quản trị trong năm 2018

Trong năm 2018, việc thông tin, trao đổi tình hình giữa các thành viên trong HĐQT luôn kịp thời, minh bạch rõ ràng, phục vụ tốt cho việc hoạch định chủ trương chính sách cũng như tạo sự đoàn kết, gắn bó trong HĐQT.

Trong năm 2018 có một số thay đổi về nhân sự Hội đồng quản trị như sau:

- Miễn nhiệm Ủy viên HĐQT đối với ông Nguyễn Ngọc Anh kể từ ngày 11/06/2018.

Danh sách nhân sự HĐQT hoạt động trong năm 2018 gồm 04 thành viên, bao gồm:

1. Ông Nguyễn Hồng Quang	Chủ tịch HĐQT
2. Ông Lê Trường Sơn	Ủy viên HĐQT
3. Bà Trần Thị Chinh	Ủy viên HĐQT
4. Bà Bùi Thị Ngọc Yến	Ủy viên HĐQT

2. Đánh giá về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018

Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng, đầy đủ chức năng, quyền hạn của HĐQT được quy định trong Điều lệ Công ty. Trong năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Solavina đã tổ chức 08 (tám) cuộc họp HĐQT. Các cuộc họp Hội đồng quản trị đã tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm liên quan đến chỉ đạo thực hiện kiện toàn nhân sự cấp cao của Công ty; thực hiện giám



sát chặt chẽ hoạt động phát triển kinh doanh của Công ty. Các nghị quyết được HĐQT thống nhất đưa ra tại cuộc họp là những định hướng quan trọng giúp Ban Giám đốc tổ chức thực hiện trong việc điều hành hoạt động kinh doanh, quản trị doanh nghiệp và tái cơ cấu Công ty, các nghị quyết/quyết định được ban hành cụ thể như sau:

- Nghị quyết thông qua việc thu hồi các khoản cho vay cá nhân của Công ty;
- Nghị quyết về việc điều chuyển tiền giữa 02 chi nhánh của Công ty;
- Nghị quyết định về việc bổ nhiệm giám đốc, thay đổi người đại diện theo pháp luật, miễn nhiệm thành viên HĐQT;
- Nghị quyết về việc đánh giá lại và thanh lý tài sản cố định của Công ty;

Ngoài các phiên họp nêu trên, Hội đồng quản trị luôn bám sát chỉ đạo, quản lý giám sát hoạt động của Ban Giám đốc trong việc thực thi các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT Công ty.

3. Đánh giá kết quả hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị năm 2018

Các thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia các cuộc họp HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy năng lực lãnh đạo, vị lợi ích của các cổ đông và sự phát triển lâu dài của Công ty.

Bên cạnh việc thực hiện và hoàn thành trách nhiệm chung đối với các hoạt động của HĐQT, các thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao theo phân công. Thành viên HĐQT chuyên trách đã có những đóng góp tích cực trong quá trình quản trị doanh nghiệp, tái cơ cấu công ty, quản lý và giám sát hoạt động điều hành của Công ty.

4. Kết quả giám sát đối với Ban Giám đốc

- Hội đồng quản trị theo sát và giám sát Ban Giám đốc để triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung Nghị quyết Hội đồng quản trị đã đề ra.
- Hội đồng quản trị theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành kinh doanh, thông qua các báo cáo, văn bản của Ban Giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị.
- Hội đồng quản trị phối hợp cùng Ban Kiểm soát tổ chức hoạt động kiểm tra, giám sát đối với hoạt động kinh doanh và công tác quản lý của Công ty.
- Tăng cường công tác chỉ đạo, giám sát, kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật, thực hiện mục tiêu, chiến lược, kế hoạch và nhiệm vụ được giao, đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty góp vốn.

5. Báo cáo thù lao của các thành viên HĐQT trong năm 2018

Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát được nhận trong năm 2018: 178.307.692 đồng.

6. Đánh giá chung

Năm 2018, hoạt động kinh doanh của Công ty đã bước đầu đi vào ổn định, Hội đồng quản trị đã có những chỉ đạo kịp thời và các giải pháp hỗ trợ nhằm tháo gỡ khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc cũng như toàn thể cán bộ công nhân viên đã nỗ lực và đoàn kết để cùng nhau thực hiện các kế hoạch đã đề ra.

Đồng thời, Hội đồng quản trị cũng tập trung tìm kiếm và mở rộng cơ hội sản xuất kinh doanh của Công ty. Giám sát thường xuyên tình hình hoạt động tại các vùng trồng được liệu.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019

Ngay từ đầu năm 2019, Hội đồng quản trị đã rất quyết liệt thực hiện công tác chỉ đạo, giám sát, điều hành hoạt động SXKD của Ban giám đốc trong quá trình triển khai nhiệm vụ SXKD,

1. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019:

Hội đồng quản trị trình ĐHQCD kế hoạch thực hiện năm 2019 như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019
1	Vốn điều lệ	210	210
2	Tổng doanh thu	32,14	50
3	Lợi nhuận trước thuế	0,98	2
4	Cổ tức	0%	0%

2. Các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2019.

Với những tín hiệu phục hồi của nền kinh tế trong nước năm 2018 cho thấy sự lạc quan hơn trong năm 2019. Kế thừa và phát huy những thành tựu đã đạt được, khắc phục những khó khăn tồn đọng trong năm 2018, HĐQT công ty quyết tâm nỗ lực xây dựng Công ty phát triển ổn định và bền vững, vượt qua khó khăn chung của nền kinh tế Việt Nam bằng các biện pháp chủ yếu sau:

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hợp đồng đã ký của năm 2018 chuyển sang và sử dụng đồng vốn một cách có hiệu quả, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2019.
- Định hướng chiến lược phát triển cho toàn hệ thống. Nâng cao hiệu quả quản trị. Tạo động lực cho toàn hệ thống phát triển hiệu quả, bền vững.
- Giám sát, kiểm tra các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị đã đầu tư góp vốn.
- Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành kinh doanh để đưa ra những quyết định, chỉ đạo kịp thời thống nhất, phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế.
- Đổi mới mô hình tăng trưởng, bảo đảm phát triển nhanh, bền vững trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Kết hợp hiệu quả phát triển chiều rộng với chiều sâu, chú trọng phát triển chiều sâu, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực sẵn có, không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh.
- Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ cơ chế quản lý, tổ chức, hoạt động khoa học và công nghệ, nhất là cơ chế quản lý, phương thức đầu tư và cơ chế tài chính.
- Tích cực tìm kiếm đối tác để hợp tác sản xuất kinh doanh. Rà soát và xử lý công nợ từ phía khách hàng.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị SVN tổng kết kết quả hoạt động năm 2018 và kế hoạch năm 2019. Chúng tôi mong muốn các Quý Cổ đông sẽ đóng góp ý kiến thiết thực giúp Hội đồng quản trị SVN hoạt động ngày càng tốt hơn và có được chiến lược tốt nhất cho sự phát triển ổn định và bền vững của SVN.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin tỏ lòng biết ơn đối với sự ủng hộ, của toàn thể Quý vị Cổ đông trong thời gian qua.

Xin trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông.

T.M/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY



CHỦ TỊCH

NGUYỄN HỒNG QUANG



Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2019

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
Công ty Cổ phần Solavina

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Solavina;
- Căn cứ kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát năm 2018.

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Solavina xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả kiểm tra giám sát các mặt hoạt động trong năm 2018 và kế hoạch năm 2019 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2018

1. Tình hình nhân sự Ban kiểm soát

Năm 2018, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Solavina không có thay đổi nhân sự. Thành viên Ban kiểm soát Công ty trong năm 2018 bao gồm:

- Lý Thị Thu Hương – Trưởng BKS
- Cao Đình Huỳnh – Thành viên BKS
- Nguyễn Thị Lan Hương – Thành viên BKS

2. Tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018

- Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã tổ chức họp phân công nhiệm vụ cho từng thành viên BKS để thực hiện các chức năng nhiệm vụ của ban, họp xây dựng bổ sung kế hoạch hoạt động năm 2018.
- BKS đã kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty qua việc tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các văn bản, báo cáo định kỳ của các Phòng chuyên môn.
- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các chính sách pháp luật, chế độ của Nhà nước, các quy định của HĐQT và Ban Giám đốc thông qua việc xem xét nghiên cứu các Nghị quyết của HĐQT và các Quyết định điều hành hoạt động SXKD của Ban giám đốc.
- Phối hợp với Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) giám sát việc thực hiện công tác kiểm kê, quyết toán, thẩm tra Báo cáo tài chính cả năm 2018 và Báo cáo tài chính soát xét sáu tháng đầu năm 2018 của Công ty.



- Trong năm 2018, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Solavina đã tổ chức 02 cuộc họp.

II. Báo cáo thu nhập của các thành viên BKS trong năm 2018:

Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát được nhận trong năm 2018: 178.307.692 đồng.

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ CÔNG TY

- Qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong năm 2018, BKS không thấy điều gì bất thường trong các hoạt động quản trị và điều hành.
- BKS nhất trí thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc trình tại Đại hội.
- Năm 2018, BKS được cung cấp đầy đủ các thông tin về các quyết định của HĐQT. Tuy nhiên trong năm 2018, BKS vẫn chưa tiến hành thường xuyên việc liên lạc, trao đổi, phối hợp tốt với các cổ đông.

IV. KẾT QUẢ GIÁM SÁT VỀ VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH, VIỆC THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2018 như sau:

- Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ Tiêu	31/12/2018
1	Tổng giá trị tài sản	231,1
2	Doanh thu thuần	32,14
3	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	(1,54)
4	Lợi nhuận trước thuế	(0,98)
5	Lợi nhuận sau thuế	(0,98)

(Nguồn: Báo cáo tài chính tổng hợp kiểm toán năm 2018)

- Một số chỉ tiêu cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn

Đơn vị: tỷ đồng

TÀI SẢN			
I	Tài sản ngắn hạn	159,24	68,92%

1	Tiền	2,39	1,03%
2	Phải thu ngắn hạn	146,14	63,25%
3	Hàng tồn kho	10,68	4,62%
4	Tài sản ngắn hạn khác	0,05	0,02%
II	Tài sản dài hạn	71,82	31,08%
1	Phải thu dài hạn	0,08	0,03%
2	Tài sản cố định	0,04	0,02%
3	Đầu tư tài chính dài hạn	11,34	4,91%
4	Tài sản dài hạn khác	0,36	0,16%
Tổng tài sản		231,06	100%
NGUỒN VỐN			
I	Nợ phải trả	10,43	4,51%
1	Nợ ngắn hạn	10,43	4,51%
II	Vốn chủ sở hữu	220,62	95,48%
1	Vốn góp của chủ sở hữu	210	90,89%
2	Quỹ đầu tư phát triển	0,09	0,04%
3	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	0,14	0,06%
4	Lợi nhuận chưa phân phối	10,4	4,50%
Tổng nguồn vốn		231,06	100%

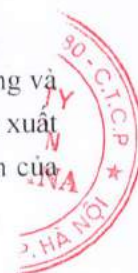
(Nguồn: Báo cáo tài chính tổng hợp kiểm toán năm 2018)

2. Nhận xét đánh giá tình hình tài chính trong năm 2018

Thực hiện đúng chủ trương đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 thông qua: tập trung và mở rộng hoạt động lĩnh vực nông sản và trồng dược liệu. Đây là năm thứ 2 Công ty đầu tư sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp với kết quả đạt được như trên thể hiện sự quyết tâm nỗ lực rất lớn của toàn thể Cán bộ nhân viên trong Công ty.

3. Công tác lập và kiểm toán Báo cáo tài chính

- Ban kiểm soát đã thực hiện thẩm định báo cáo tài chính trước khi kiểm toán và báo cáo tài chính sau khi kiểm toán.
- Kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng cũng như cách trình bày tổng thể báo cáo tài chính.



- Thẩm định từng chỉ tiêu trên báo cáo tài chính; kiểm tra sổ sách, chứng từ kế toán, hồ sơ kiểm kê vật tư, tài sản, tiền vốn, khối lượng dở dang, hồ sơ công nợ và các hồ sơ tài liệu có liên quan khác.
- Xem xét báo cáo kiểm toán, thư quản lý do tổ chức kiểm toán độc lập phát hành.

Sau khi thẩm định, Ban kiểm soát có nhận xét: Năm 2018, Công ty đã thực hiện đúng các quy định của Luật kế toán, Chế độ kế toán và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam; đồng thời phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của công ty. Việc lập, luân chuyển, sử dụng và bảo quản chứng từ kế toán nhìn chung đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ; việc lập, ghi chép, sử dụng và bảo quản sổ sách kế toán đầy đủ, kịp thời đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành. Báo cáo kế toán được lập đúng theo mẫu biểu, được gửi tới đúng đối tượng và đúng thời hạn quy định.

V. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2019

Thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, kế hoạch công tác năm 2019 của Ban Kiểm soát như sau:

- Công ty dự kiến thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty và lựa chọn mô hình hoạt động không có Ban kiểm soát từ năm 2019.
- Ban kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện hỗ trợ công tác kiểm tra giám sát tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian Công ty đang trong quá trình chuyển dịch cơ cấu quản trị.
- Đồng thời thực hiện bàn giao công việc cho bộ phận tiếp quản vị trí tương đương tại Công ty.

VI. KIẾN NGHỊ

- Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán của Công ty;
- Đề nghị HĐQT, Ban điều hành công ty tiếp tục các giải pháp để nâng cao công tác quản trị, đặc biệt là quản trị các hoạt động mới mở rộng như trồng được liệu, nông sản nâng cao hiệu quả kinh doanh, ngăn ngừa các rủi ro cho công ty. Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh thương mại tạo doanh thu lợi nhuận lớn tăng mức thu nhập cho cán bộ công nhân viên.

T.M/ BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY

TRƯỞNG BAN

LÝ THỊ THU HƯƠNG



Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2019

Số: 04/2019/TTr-SOLA

TỜ TRÌNH

(về phương án trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018, phương án thù lao năm 2019 và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018, kế hoạch năm 2019)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Solavina

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Solavina;
- Căn cứ Kết quả SXKD năm tài chính 2018 và kế hoạch SXKD 2019 của Công ty;

1. Báo cáo tình hình chi trả thù lao HĐQT và BKS năm 2018

Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát được nhận trong năm 2018: 178.307.692 đồng.

2. Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT và BKS năm 2019

Do Công ty đang trong quá trình tái cấu trúc và trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 Công ty, HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông không chi trả thù lao cho HĐQT và BKS.

3. Phương án phân phối lợi nhuận 2018

Trên cơ sở kết quả sản xuất năm 2018 của Công ty, HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông không trích lập các quỹ và không chia cổ tức năm 2018.

4. Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2019

Hội đồng quản trị kính trình ĐHCĐ không chia cổ tức năm 2019, không trích lập các quỹ do Công ty đang trong quá trình tái cấu trúc.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT;

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN HỒNG QUANG



SOLAVINA

Số: 05/2019/TTr-SOLA

-----o0o-----

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2019

TỜ TRÌNH*(V/v thông qua Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán năm 2018)*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Solavina

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Solavina;

Hội đồng quản trị Công ty đã qua lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) để thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2018, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2018 đã được kiểm toán. Công ty đã thực hiện công bố thông tin theo quy định và đăng tải toàn văn Báo cáo tài chính tổng hợp trên trang thông tin điện tử Công ty, bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trong đó, ý kiến của kiểm toán viên đã đưa ra các vấn đề như sau:

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

- Công ty đã bán 925.000 cổ phần (giá trị chuyển nhượng 92.962.500.000 đồng) của Công ty Cổ phần Đầu tư Merici Việt Nam cho ông Đoàn Quang Ánh theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 24/12/2016, thời hạn thanh toán 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Đến thời điểm 24/12/2017, Công ty chỉ thu được khoản nợ phải thu ông Đoàn Quang Ánh là 12.962.500.000 đồng, Công ty gia hạn thanh toán 80 tỷ đồng cho ông Đoàn Quang Ánh đến thời điểm 24/03/2018. Trong năm 2018, Công ty thu tiếp được 30 tỷ đồng và hai bên lại tiếp tục gia hạn thanh toán đến 24/03/2019. Việc tiếp tục gia hạn sau một năm và chưa xác định có thu hồi được hay không cũng như chưa xem xét, đánh giá, trích lập dự phòng gây nên sự thiếu thận trọng khi lập Báo cáo tài chính năm 2018.

- Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ 775.530 cổ phần (Công ty Cổ phần Đầu tư Merici Việt Nam) tương ứng 77.530.000.000 đồng cho Công ty Cổ phần Dầu thực vật Sài Gòn theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 28/09/2017. Sau khi chuyển nhượng và thu tiền, Công ty đã đầu tư 32.66 tỷ đồng vào Công ty Cổ phần Dược liệu Solavina Hòa Bình, chuyển vốn 47,312 tỷ vào 03 Chi nhánh của mình. Công ty Cổ phần Dược liệu Solavina Hòa Bình và 03 Chi nhánh Công ty đã dùng khoản tiền trên để ký các hợp đồng liên kết sản xuất hợp tác trồng dược liệu nghệ với nhiều cá nhân và đã tạm ứng bằng tiền mặt cho các cá nhân này. Khi xem xét các hợp đồng hợp tác với các cá

nhân này Đơn vị kiểm toán không có cơ sở để đánh giá mức sinh lời hoặc rủi ro của sự hợp tác nên không có cơ sở đưa ra các điều chỉnh cần thiết vào Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018.

Vấn đề cần nhấn mạnh:

- Công ty bị áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng theo Quyết định số 19977/QĐ-CCT-QLN ngày 19/09/2017 của Chi cục Thuế quận Hoàn Kiếm do nợ tiền thuế TNDN. Liên quan đến sự kiện này, ngày 04/06/2019, Công ty đã ký Biên bản đơn đốc nợ thuế của Chi cục Thuế và đã cam kết sẽ nộp tiền thuế nợ đọng theo quy định để giải tỏa cưỡng chế.

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tạm ngưng giao dịch cổ phiếu của Công ty từ ngày 17/10/2018 theo Thông báo số 1242/TB-SGDHN ngày 12/10/2018.

- Tại ngày lập Báo cáo tài chính năm 2018, Công ty đã thu hồi được toàn bộ 50 tỷ nợ phải thu ông Đoàn Quang Ảnh.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua!

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT;



NGUYỄN HỒNG QUANG



Số: 06/2019/TTr-SOLA

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2019

TỜ TRÌNH

(V/v lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC 2019)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Solavina

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Solavina;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) phê duyệt các công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần SOLAVINA như sau:

1. Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA);
2. Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam;

Kính đề nghị HĐQT thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán cụ thể theo danh sách trên.

Trường hợp không thương lượng được với các công ty kiểm toán trong danh sách nêu trên thì HĐQT ủy quyền cho HĐQT được phép lựa chọn Công ty Kiểm toán khác phù hợp có tên trong danh sách được kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Kính trình đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT.



NGUYỄN HỒNG QUANG



Số: 07/2019/TTr-SOLA

TỜ TRÌNH*(V/v: Thay đổi tên và trụ sở làm việc Công ty)*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Solavina

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Solavina;

Nhằm tạo thuận lợi cho quá trình kết nối với các đối tác, khách hàng khi giao dịch và kinh doanh theo định hướng phát triển của Công ty trong giai đoạn mới, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Solavina kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc thay đổi tên và trụ sở làm việc Công ty, chi tiết như sau:

1. Thay đổi tên Công ty

- Tên Công ty cũ: Công ty Cổ phần Solavina
- Tên Công ty dự kiến thay đổi: Công ty Cổ phần Đầu tư Vexilla Holdings

2. Thay đổi trụ sở Công ty

- Trụ sở cũ: Tầng 8, số 71 Hoàng Cầu, Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội.
- Trụ sở mới: Số 25, Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

3. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị các nội dung sau:

- Ủy quyền cho HĐQT sửa đổi Điều lệ Công ty, cũng như thực hiện các quy trình, thủ tục pháp lý khác theo quy định hiện hành áp dụng cho công ty đại chúng;
- Ủy quyền cho HĐQT thực hiện thay đổi Đăng ký kinh doanh của công ty với Sở kế hoạch và Đầu tư đối với nội dung thay đổi tên và trụ sở làm việc Công ty; trong trường hợp Tên dự kiến thay đổi của Công ty trùng với tên Đơn vị khác đã đăng ký, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn tên khác thay thế phù hợp với lĩnh vực Công ty đang thực hiện đầu tư và định hướng phát triển Công ty trong thời gian tới.

Kính trình đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Xin trân trọng cảm ơn!



SOLAVINA

Số: 08/2019/TTr-SOLA

-----o0o-----

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2019

TỜ TRÌNH*(Về việc sửa đổi điều lệ Công ty)*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Solavina

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP do Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính thông qua ngày 22/09/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Solavina;

Ngày 06/06/2017, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua Nghị định số 71/2017/NĐ-CP về quản trị Công ty. Ngày 22/09/2017, Bộ Tài Chính đã thông qua Thông tư số 95/2017/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng. Trong đó, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP và Thông tư số 95/2017/TT-BTC có nhiều quy định mới và khác so với các quy định trước đây.

Căn cứ vào tình hình hoạt động thực tế của Công ty và các thay đổi của Pháp luật, Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ thông qua sửa đổi điều lệ công ty để đảm bảo tính pháp lý và cơ chế hoạt động đáp ứng các quy định mới được ban hành (*Dự thảo Điều lệ đính kèm*)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua!

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VT, HĐQT;

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
SOLAVINA
M.S.D.N: 0311000000
Q. ĐÔNG ĐÀ - TP. HÀ NỘI
NGUYỄN HỒNG QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

**ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA**

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2019

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG.....	4
Điều 1. Giải thích từ ngữ	4
Điều 2. Loại hình doanh nghiệp, tên gọi, trụ sở.....	6
Điều 3. Hình thức pháp lý, tư cách pháp nhân của Công ty	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh	7
Điều 5. Đại diện theo pháp luật.....	8
CHƯƠNG II. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN.....	8
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần.....	8
Điều 7. Cổ phiếu.....	9
Điều 8. Sổ đăng ký cổ đông	9
Điều 9. Chào bán cổ phần	10
Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần	10
Điều 11. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	11
Điều 12. Phát hành trái phiếu	11
Điều 13. Mua cổ phần, trái phiếu	12
Điều 14. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông.....	12
Điều 15. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty cổ phần Solavina.....	12
Điều 16. Thu hồi cổ phần.....	13
Điều 17. Trả cổ tức.....	14
CHƯƠNG III. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	15
Điều 18. Cơ cấu tổ chức quản lý	15
CHƯƠNG IV. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	15
Điều 19. Quyền của cổ đông.....	15
Điều 20. Nghĩa vụ của cổ đông	17
Điều 21. Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 22. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 23. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.	21
Điều 24. Các đại diện được ủy quyền.....	22
Điều 25. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 26. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 27. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	26
Điều 28. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.....	27

Điều 29. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	29
Điều 30. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	29
Điều 31. Thay đổi các quyền của cổ đông đối với cổ phần ưu đãi.....	30
CHƯƠNG V. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	30
Điều 32. Hội đồng quản trị.....	30
Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	30
Điều 34. Cơ cấu, thành phần và nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.....	32
Điều 35. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị	33
Điều 36. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	33
Điều 37. Chủ tịch Hội đồng quản trị	34
Điều 39. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận	38
CHƯƠNG VI. GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC	39
Điều 40. Giám đốc (Tổng giám đốc).....	39
Điều 41. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Giám đốc (Tổng giám đốc).....	39
Điều 42. Phó giám đốc (Phó tổng giám đốc), Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc.....	41
CHƯƠNG VII. BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ	41
Điều 43. Ban kiểm toán nội bộ.....	41
Điều 44. Tiêu chuẩn, điều kiện, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm toán nội bộ	42
Điều 45. Quyền hạn, nhiệm vụ của Ban kiểm toán nội bộ	43
Điều 46. Trách nhiệm của Kiểm toán nội bộ	45
Điều 47. Quyền được cung cấp thông tin, tiền lương và thù lao của Ban kiểm toán nội bộ	45
CHƯƠNG VIII. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC)...	46
VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	46
Điều 48. Trách nhiệm cẩn trọng.....	46
Điều 49. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	46
Điều 50. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	47
CHƯƠNG IX. MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VỚI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT.....	48
Điều 51. Quan hệ giữa Công ty với đơn vị trực thuộc	48
Điều 52. Quan hệ giữa Công ty với Công ty con	48
Điều 53. Quan hệ giữa Công ty với Công ty liên kết	50
Điều 54. Công ty tự nguyện tham gia liên kết với Công ty	50

CHƯƠNG X. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CỦA CÔNG TY	50
Điều 55. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	50
CHƯƠNG XI. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	51
Điều 56. Phân phối lợi nhuận.....	51
Điều 57. Tài khoản ngân hàng	52
Điều 58. Năm tài chính.....	52
Điều 59. Chế độ kế toán.....	52
CHƯƠNG XII. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO.....	52
Điều 60. Báo cáo tài chính năm, sáu (06) tháng và quý	52
Điều 61. Báo cáo thường niên.....	53
Điều 62. Trình báo cáo hằng năm	53
CHƯƠNG XIII. KIỂM TOÁN	54
Điều 63. Kiểm toán.....	54
CHƯƠNG XIV. CON DẤU	54
Điều 64. Con dấu.....	54
CHƯƠNG XV. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	54
Điều 65. Chấm dứt hoạt động	54
Điều 66. Thanh lý.....	55
CHƯƠNG XVI. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	55
Điều 67. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	55
CHƯƠNG XVII. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	56
Điều 68. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	56
CHƯƠNG XVIII. NGÀY HIỆU LỰC.....	56
Điều 69. Ngày hiệu lực.....	56

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty cổ phần Solavina là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty. Gồm các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các quy định của Công ty được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan, là những quy tắc và quy định để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Solavina tổ chức vào ngày 23 tháng 8 năm 2019

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Trong Điều lệ này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. "Luật Doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được thông qua ngày 26/11/2014 và có hiệu lực từ ngày 01/07/2015

b. "SVN" hay "Solavina" là tên viết tắt của Công ty cổ phần Solavina

c. "Công ty" là Công ty cổ phần Solavina

d. "Công ty con" là các doanh nghiệp do Công ty cổ phần Solavina sở hữu trên 50% vốn điều lệ được tổ chức dưới hình thức Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, Công ty liên danh, Công ty thành lập ở nước ngoài.

e. "Công ty liên kết" là doanh nghiệp Công ty cổ phần Solavina có cổ phần, vốn góp từ 20% đến dưới 50% vốn điều lệ trở lên. Công ty liên kết được tổ chức, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định của Pháp luật có liên quan.

f. "Doanh nghiệp khác" là doanh nghiệp mà Công ty cổ phần Solavina có cổ phần, vốn góp.

g. "Người đại diện theo ủy quyền phần vốn của Công ty cổ phần Solavina tại doanh nghiệp khác" là người được Công ty cổ phần Solavina ủy quyền bằng văn bản thực hiện các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của Công ty cổ phần Solavina tại doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, được gọi tắt là Người đại diện.

h. "Vốn điều lệ của Công ty cổ phần Solavina" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần các loại đã bán và ghi tại Điều 6 Điều lệ này.

i. "Quyền chi phối của Công ty cổ phần Solavina" là quyền của Công ty cổ phần Solavina đối với một doanh nghiệp khác, bao gồm ít nhất một trong số các quyền sau đây:

j. Quyền của chủ sở hữu duy nhất của doanh nghiệp.

k. Quyền của cổ đông, thành viên góp vốn nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối của doanh nghiệp.

l. Quyền quyết định trực tiếp hay gián tiếp đối với đa số hoặc tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) của doanh nghiệp,

m. Các quyền quyết định phê duyệt bổ sung sửa đổi Điều lệ doanh nghiệp.

n. Các trường hợp chi phối khác theo thỏa thuận giữa Công ty cổ phần Solavina và doanh nghiệp được ghi vào Điều lệ của doanh nghiệp mà Công ty cổ phần Solavina chi phối.

o. "Cổ phần, vốn góp chi phối của Công ty cổ phần Solavina" là cổ phần, vốn góp của Công ty cổ phần Solavina chiếm trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp khác.

p. "Người quản lý Công ty" là Chủ tịch, Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc của Công ty cổ phần Solavina và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

r. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu cổ phần của Công ty cổ phần Solavina cổ đông được Công nhận chính thức sở hữu hợp pháp cổ phần của Công ty cổ phần Solavina sau khi đã trả đủ tiền mua cổ phần và được ghi đầy đủ các thông tin liên quan theo quy định của pháp luật vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty cổ phần Solavina

s. "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% (năm phần trăm) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Solavina

t. "Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành" là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán

trường và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm,

u. "Thành viên Hội đồng quản trị độc lập" là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện sau:

- Là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và không phải là người có liên quan với Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

- Không phải là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng giám đốc) của các Công ty con, Công ty liên kết, Công ty do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát;

- Không phải là cổ đông lớn hoặc người đại diện của cổ đông lớn hoặc người có liên quan của cổ đông lớn của Công ty;

- Không làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm toán cho Công ty trong hai (02) năm gần nhất;

- Không phải là đối tác hoặc người liên quan của đối tác có giá trị giao dịch hàng năm với Công ty chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) trở lên tổng doanh thu hoặc tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào của Công ty trong hai (02) năm gần nhất.

2. Các từ ngữ khác trong Điều lệ này được giải nghĩa trong các văn bản pháp luật hiện hành thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó.

3. Các tham chiếu của Điều lệ này tới một hoặc một số quy định của văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế các văn bản đó

4. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Điều 2. Loại hình doanh nghiệp, tên gọi, trụ sở

1. Loại hình doanh nghiệp:

- Công ty cổ phần

2. Tên doanh nghiệp:

- Tên đầy đủ tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA**

- Tên đầy đủ tiếng Anh: Solavina joint stock company .

- Tên viết tắt: Solavina., JSC

3. Trụ sở chính: Tầng 8, Số 71 phố Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- Điện thoại: 024 37835103

- Website : solavina.vn
- Email: solavina.vn

(*) Khi có những quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc thay đổi trụ sở, thông tin liên lạc của Công ty thì Hội đồng quản trị mặc định thay đổi điều lệ theo đúng quy định của pháp luật.

4. Thời hạn hoạt động:

Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 66, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Hình thức pháp lý, tư cách pháp nhân của Công ty

1. Công ty là Công ty cổ phần thuộc sở hữu của các cổ đông, hoạt động theo quy định của pháp luật và theo Điều lệ này.
2. Công ty có tư cách pháp nhân, hoạch toán kinh tế độc lập, có con dấu, được mở tài khoản tiền đồng Việt Nam và ngoại tệ tại các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.
3. Công ty có vốn và tài sản riêng. Chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ bằng toàn bộ tài sản của mình.
4. Công ty có quyền quản lý, sử dụng và định đoạt đối với vốn, tài sản, tên gọi, biểu tượng, thương hiệu theo quy định của pháp luật.
5. Công ty được trực tiếp tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đạt hiệu quả sản xuất kinh doanh cao nhất.
6. Công ty trực tiếp quản lý phần vốn của Công ty đầu tư tại các doanh nghiệp khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.
7. Công ty được quản lý bởi Hội đồng quản trị, được điều hành bởi Giám đốc (Tổng giám đốc).

Điều 4. Mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh

1. Mục tiêu hoạt động

Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông đầu tư vào Công ty và Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác, hoàn thành các chỉ tiêu phát triển, lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, góp phần phát triển kinh tế xã hội.

2. Ngành nghề kinh Doanh

Ngành nghề kinh doanh Công ty theo đăng ký tại cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia

Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác mà pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 5. Đại diện theo pháp luật

Giám đốc (Tổng giám đốc) Công ty là người đại diện theo pháp luật duy nhất của Công ty cổ phần Solavina.

CHƯƠNG II. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty là; hai trăm mười (210) tỷ đồng, được chia thành hai mươi một (21) triệu cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

4. Trường hợp Công ty phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ thì các cổ đông hiện hữu được ưu tiên mua theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ tại Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần phát hành thêm cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành, cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị Công ty có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của pháp luật và của Công ty hoặc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần hoặc theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần, thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty và chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại chứng nhận cổ phiếu mới (nếu có).

Điều 8. Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.

2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
- d. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức;
- e. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần;
- f. Địa chỉ liên hệ.

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán, cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.

4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên hệ/thường trú thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào Sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

Điều 9. Chào bán cổ phần

1. Chào bán cổ phần là việc Công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.

2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:

a) Chào bán cho các cổ đông hiện hữu.

b) Chào bán ra Công chúng.

c) Chào bán cổ phần riêng lẻ.

3. Chào bán cổ phần ra Công chúng, chào bán cổ phần của Công ty thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.

4. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần

1. Cổ phần của Công ty được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng khi phát hành hoặc trường hợp hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật.

2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Công ty cổ phần Solavina.

4. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế,

người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

5. Cổ đông có quyền tặng, cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng, cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty.

6. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Công ty cổ phần Solavina phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

7. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty cổ phần Solavina từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại Điều 8 của Điều lệ này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

8. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

Điều 11. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty cổ phần Solavina (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Solavina.

Điều 12. Phát hành trái phiếu

1. Công ty cổ phần Solavina có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Công ty cổ phần Solavina không được quyền phát hành trái phiếu khi không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong ba năm liên tiếp trước đó, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

3. Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi các quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp Điều lệ Công ty không quy định khác thì Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình quyết định của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.

5. Trường hợp Công ty cổ phần Solavina phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần thì thực hiện theo trình tự, thủ tục tương ứng chào bán cổ phần theo quy định của Luật doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan. Công ty cổ phần Solavina thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ theo quy định của pháp luật kể từ ngày hoàn thành việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần.

Điều 13. Mua cổ phần, trái phiếu

Cổ phần, trái phiếu của Công ty cổ phần Solavina có thể được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, Công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác quy định pháp luật và phải được thanh toán đủ một lần.

Điều 14. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty cổ phần Solavina hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Solavina có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty cổ phần Solavina trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty cổ phần Solavina phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá.

Điều 15. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty cổ phần Solavina

Công ty cổ phần Solavina có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần, đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ Công ty cổ phần

Solavina không quy định hoặc Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đều được tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

Điều 16. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần, Hội đồng quản trị Công ty thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Sau khi hết thời hạn thanh toán được ghi trong thông báo thanh toán mà cổ đông đó không đến thanh toán đầy đủ thì Hội đồng quản trị Công ty có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị Công ty có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức

mà Hội đồng quản trị Công ty thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi đương nhiên không còn tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ không quá 1,5 lần lãi suất cho vay kỳ hạn 12 tháng của ngân hàng mà Công ty mở tài khoản chính vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị Công ty kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán, Hội đồng quản trị Công ty có toàn quyền quyết định biện pháp cưỡng chế thanh toán theo quy định của pháp luật đối với toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 17. Trả cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; đã trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác theo quy định tại Điều lệ của Công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của cổ đông.

2. Cổ tức được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi (30) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty; địa chỉ trụ sở chính của Công ty, họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông

là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

3. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

4. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các điều 122, 123 và 124 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

5. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện riêng khi phát hành cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

CHƯƠNG III. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 18. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm toán nội bộ;
4. Giám đốc (Tổng Giám đốc).

CHƯƠNG IV. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 19. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất 1 cổ phần của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu, cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số cổ phần sở hữu.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật quy định.

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này, trừ trường hợp cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng khi phát hành hoặc trường hợp hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.

d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty.

đ. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.

e. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

f. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần sở hữu sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật.

g. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Điều 14 Điều lệ này.

h. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật liên quan.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:

a. Đề cử người vào Hội đồng quản trị.

b. Xem xét và trích lục số biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của ban Kiểm toán nội bộ.

c. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

d. Yêu cầu Ban kiểm toán nội bộ kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước Công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác theo quy định của Luật này và Điều lệ Công ty.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

c. Trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

d. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước Công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền,

5. Các quyền khác được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 20. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Tuân thủ Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty.

2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; có trách nhiệm xem xét tài liệu và cho ý kiến theo quy định khi Công ty lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị Công ty hoặc người khác làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông. Việc ủy quyền phải theo mẫu do Công ty phát hành cho từng lần đại hội.

3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và

nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần, thông báo kịp thời về những thay đổi địa chỉ liên hệ, chứng thực cá nhân.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 21. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, họp thường niên mỗi năm một (01) lần; ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.

2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ như sau:

a. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm và định hướng phát triển của Công ty;

b. Thông qua Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;

c. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị;

d. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm toán nội bộ;

e. Quyết định mức cổ tức thanh toán hằng năm và kế hoạch cổ tức của năm tiếp theo cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó.

f. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị;

g. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị;

h. Quyết định thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị;

i. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

j. Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;

k. Lựa chọn hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán;

l. Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, tổ chức lại, giải thể, phá sản hoặc chuyển đổi Công ty;

m. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm toán nội bộ gây thiệt hại cho Công ty hoặc cho cổ đông của Công ty;

n. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;

o. Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã phát hành của mỗi loại;

p. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật liên quan.

Điều 22. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị hoặc cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp tại Việt Nam.

Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Báo cáo tài chính hằng năm;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d. Báo cáo của Ban kiểm toán nội bộ về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc);

e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

f. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu

kỳ;

c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ này trong thời hạn 06 tháng;

d. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 19 Điều lệ này, yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải bằng văn bản, yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan.

e. Theo yêu cầu của Ban kiểm toán nội bộ;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều này.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

c. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3 Điều 19 Điều lệ này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

5. Người triệu tập phải thực hiện các Công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị,

f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này;

h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

6. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 của Điều này sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự.

7. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Điều 39 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó, trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.

Điều 23. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 22 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau:

a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời Công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên

quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội; Phiếu biểu quyết và Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 19 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất tại Khoản 4 nêu trên trong các trường hợp sau:

a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ (ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 19 Điều lệ này;

c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;

d. Các trường hợp khác.

6. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông thì những quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự, thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 24. Các đại diện được ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo quy định của luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một

người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do Công ty phát hành và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền tham dự họp;

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp giấy ủy quyền khi đăng ký họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 nêu trên, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây;

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 25. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng cổ đông cần thiết thì trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp phải hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được triệu tập họp lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể

từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không có đủ số cổ đông cần thiết thì trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp phải huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề theo chương trình dự kiến thông qua tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3 Điều 23 của Điều lệ này.

Điều 26. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông dự họp vào sổ họp và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ đồng ý nghị quyết được thu trước, số thẻ không đồng ý nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu đồng ý hay không đồng ý để quyết định. Tổng số phiếu đồng ý, không đồng ý, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ về từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi có kết quả biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không quá 03 người.

3. Cổ đông đến dự họp muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng, đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu

tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm Chủ tọa, người có chức vụ cao nhất trong Công ty có mặt điều khiển để Đại hội bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.

5. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của họp đại hội.

Chủ tọa cử một người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Chủ tọa có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.

7. Chủ tọa hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để cuộc họp phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Người triệu tập họp sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia đại hội.

9. Người triệu tập họp, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự đại hội hoặc tiếp tục tham dự.

Người triệu tập họp có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Người triệu tập họp khi xác định địa điểm Đại hội có thể:

a. Thông báo Đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa Đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của Đại hội có thể đồng thời tham dự Đại hội;

Thông báo về việc tổ chức Đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia Đại hội ở địa điểm chính của Đại hội.

Hàng năm Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 27. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty,
- e. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- f. Các vấn đề khác do Điều lệ Công ty quy định.

2. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông nhất trí, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt

cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn người trúng cử theo quy chế bầu cử.

4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, những nội dung thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông có thể được thực hiện dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện theo quy định tại Điều 28 của Điều lệ này.

5. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành;

6. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 28. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ thời điểm nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, mã số doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập của cổ đông hoặc đại diện theo

ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm đồng ý, không đồng ý và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Công ty;

g. Họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm toán nội bộ và/hoặc của một đại diện cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty, Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các quyết định đã được thông qua;

f. Họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc (Tổng giám đốc) Công ty và của người chứng kiến kiểm phiếu,

Các thành viên Hội đồng quản trị và người chứng kiến kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu phải được Công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ.

7. Phiếu lấy ý kiến được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty,

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 29. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty, Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc, Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những Công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông, trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản, Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa và Thư ký Đại hội và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, cả chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 30. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 19, có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét hủy bỏ quyết định hoặc một phần nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

3. Trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này, thì các quyết định đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có

thẩm quyền.

Điều 31. Thay đổi các quyền của cổ đông đối với cổ phần ưu đãi

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi chỉ có hiệu lực khi Đại hội đồng cổ đông được tổ chức hợp với sự tham dự của cổ đông nắm giữ ít nhất 51% cổ phần phổ thông và phải được số cổ đông nắm giữ ít nhất 65% số cổ đông dự họp nêu trên biểu quyết thông qua.

Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 25 và Điều 27 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

CHƯƠNG V. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 32. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh

hàng năm của Công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền cho bán của từng loại; huy động thêm vốn theo hình thức khác;

c. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

d. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Điều 15 của Điều lệ này Thông qua việc sử dụng tài sản của Công ty để cầm cố, thế chấp vay vốn; việc bảo lãnh cho Công ty con vay vốn.

e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

f. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

g. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay cho vay và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% vốn điều lệ của Công ty, trừ các hợp đồng thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại điểm n khoản 2 Điều 21 Điều lệ này.

h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Giám đốc (Tổng giám đốc) Công ty; quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Phó Giám đốc (Phó tổng giám đốc), Kế toán trưởng Công ty theo đề nghị của Giám đốc (Tổng giám đốc); quyết định thành lập, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm nhân sự Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị; cử Người đại diện theo ủy quyền phần vốn của Công ty và Người đại diện của Công ty tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tại các doanh nghiệp khác theo đề nghị của Giám đốc (Tổng giám đốc). Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị; Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm để thực hiện tốt vai trò, nhiệm vụ và trách nhiệm của Thư ký theo quy định. Chấp thuận đề Giám đốc (Tổng Giám đốc) bổ nhiệm Giám đốc xưởng, Trưởng phòng, ban và tương đương.

i. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; tổ chức kiểm tra, giám sát đánh giá Người đại diện và Công ty con theo quy định của pháp luật;

j. Quyết định cơ cấu tổ chức, Quy chế quản lý nội bộ Công ty; quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua (tặng), bán (giảm) vốn của Công ty tại các doanh nghiệp khác; thông qua phương án thành lập, tổ

chức lại, giải thể các phòng/ban theo đề nghị của Giám đốc (Tổng giám đốc) Công ty;

k. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

l. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

m. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

3. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

4. Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy và con dấu của Công ty để phục vụ Công việc, ngoài ra Hội đồng quản trị có thể thành lập các bộ phận giúp việc với cơ cấu và biên chế do Hội đồng quản trị ấn định.

Điều 34. Cơ cấu, thành phần và nhiệm kỳ Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty là từ 05 đến 11 người, do Đại hội đồng cổ đông quyết định và được Đại hội đồng cổ đông bầu theo phương thức bầu dồn phiếu. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm, nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị, số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục (ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử hai (02) ứng viên; từ 20% đến dưới

50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 65% đến dưới 85% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 85% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng được Công ty quy định tại quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 35. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây;

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có đủ sức khỏe để đảm đương công việc; không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý, sản xuất kinh doanh của Công ty;

c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của doanh nghiệp khác;

d. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó tổng giám đốc), Kế toán trưởng Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty.

e. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 36. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 35 Điều lệ này;

b. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức;

d. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn về người đó không còn năng lực hành vi;

2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội

đồng cổ đông.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);

Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 37. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị được kiêm Giám đốc (Tổng giám đốc);
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây;
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị; ký các nghị quyết, quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

5. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị bố trí thư ký để giúp việc/hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 38. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Tại cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ, Hội đồng quản trị họp để bầu Chủ tịch và ra

các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số. Trường hợp người có số phiếu cao nhất không triệu tập họp Hội đồng quản trị thì người có số phiếu cao tiếp theo triệu tập họp Hội đồng quản trị nếu cả hai trường hợp nêu trên đều không thực hiện triệu tập thì Ban kiểm toán nội bộ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến, Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

Hội đồng quản trị phải lập sổ họp Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền phải ký vào sổ họp để khẳng định họ đã tham dự cuộc họp đó.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a. Giám đốc (Tổng giám đốc) hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác;
- b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Ban kiểm toán nội bộ;

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị theo Khoản 3 nêu trên phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty và những người đề nghị tổ chức họp lại Khoản 3 nêu trên có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình tài chính của Công ty.

6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính hoặc những địa

điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Thành viên hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Trường hợp không dự họp được phải gửi đề nghị nêu rõ lý do vắng mặt đến trụ sở chính của Công ty trước một (01) ngày tổ chức họp. Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp, nội dung, phạm vi ủy quyền phải nêu rõ trong văn bản ủy quyền. Hội đồng quản trị căn cứ vào tính chất, nội dung cuộc họp và vì lợi ích của Công ty có thể chấp nhận hoặc không chấp nhận ủy quyền.

9. Cuộc họp lần thứ nhất của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện được ủy quyền.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

10. Biểu quyết.

a. Trừ quy định tại Điểm b dưới đây, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị đó không được tính vào số lượng thành viên tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không

có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Điểm d dưới đây, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được Công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm i Khoản 1 Điều 33 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

11. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

12. Quyết định, nghị quyết của các cuộc họp Hội đồng quản trị được thông qua theo nguyên tắc quá bán (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch/Chủ tọa là phiếu quyết định.

13. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức trực tuyến khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau.

Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng sau đó phải được

khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

14. Hội đồng quản trị có thể thông qua Nghị quyết, theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Hồ sơ, tài liệu lấy ý kiến bằng văn bản được gửi cho thành viên Hội đồng quản trị như tài liệu cuộc họp. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua theo nguyên tắc quá bán thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp, thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm ký biên bản họp, trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không ký biên bản thì chữ ký của họ trong sổ họp được xem là bằng chứng họ đã tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị.

16. Để phục vụ cho cuộc họp, Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền cho các tiểu ban để thực hiện những nhiệm vụ nhất định, các tiểu ban này giải thể sau khi kết thúc nhiệm vụ.

Điều 39. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

a. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

b. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người có liên quan của họ;

c. Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 1 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị vốn điều lệ/tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm toán nội bộ về các đối tượng có liên

quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Ban Kiểm toán nội bộ về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp.

4. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, gây thiệt hại cho Công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc (Tổng giám đốc) có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

CHƯƠNG VI. GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC

Điều 40. Giám đốc (Tổng giám đốc)

1. Giám đốc (Tổng giám đốc) do Hội đồng quản trị bổ nhiệm trong số thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác không phải là thành viên Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Giám đốc (Tổng giám đốc) là không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Hội đồng quản trị quy định mức lương và quyền lợi khác của Giám đốc (Tổng giám đốc) theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Thông tin về mức lương, quyền lợi của Giám đốc (Tổng giám đốc) phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc (Tổng giám đốc) áp dụng theo quy định tại điều 65 của Luật doanh nghiệp,

Điều 41. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của **Giám đốc** (Tổng giám đốc)

Giám đốc (Tổng giám đốc) là người tổ chức điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng

cổ đông, quyết định, thực hiện tất cả những công việc không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Một số quyền và nghĩa vụ như sau:

1. Tổ chức xây dựng trình Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông phê duyệt: Kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm, chiến lược phát triển dài hạn; kế hoạch phối hợp kinh doanh giữa Công ty và các Công ty con, Công ty liên kết; các dự án đầu tư; kế hoạch phát triển nguồn nhân lực; hệ thống chỉ tiêu công nghệ, tiêu chuẩn sản phẩm, định mức kinh tế, kỹ thuật; kế hoạch lao động, tiền lương; giải pháp tiếp thị, phát triển thị trường, ứng dụng công nghệ vào sản xuất; các phương án đề phòng rủi ro; các phương án huy động và sử dụng vốn; các báo cáo định kỳ, báo cáo thống kê, báo cáo tài chính quý, 6 tháng và hàng năm; các Quy chế quản lý nội bộ; ... của Công ty. Chậm nhất vào ngày 31 tháng 10 hàng năm Giám đốc (Tổng giám đốc) phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch cho năm tài chính năm (05) năm.

2. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị, Kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty,

3. Đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương và các quyền lợi khác đối với các chức danh: Phó giám đốc (Phó tổng giám đốc) và Kế toán trưởng Công ty và các chức danh khác thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị Hội đồng quản trị cử Người đại diện theo ủy quyền phần vốn của Công ty và Người đại diện của Công ty tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tại các doanh nghiệp khác;

5. Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện Công ty; Quyết định thành lập các phòng/ban/văn phòng đại diện Công ty sau khi được Hội đồng quản trị thông qua phương án;

6. Tuyển dụng, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động; bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và phụ cấp đối với các chức danh không thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị (các chức danh không thuộc khoản k Điều 33 Điều lệ này) đảm bảo phù hợp với các quy chế quản trị nội bộ của Công ty theo quy định của pháp luật;

7. Quyết định áp dụng các biện pháp cần thiết trong trường hợp khẩn cấp và phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

8. Cử cán bộ, nhân viên, người lao động của Công ty đi nước ngoài công tác, học tập theo quy định;

9. Giám đốc (Tổng giám đốc) chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu;

10. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc) khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Giám đốc (Tổng giám đốc) mới thay thế;

11. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân cấp của Hội đồng quản trị, Điều lệ này và quy định của pháp luật;

12. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ, phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

13. Giám đốc (Tổng giám đốc) phải điều hành các Công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Giám đốc (Tổng giám đốc) phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

Điều 42. Phó giám đốc (Phó tổng giám đốc), Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc

1. Giúp việc Giám đốc (Tổng giám đốc) có Phó giám đốc (Phó tổng giám đốc); Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc. Phó giám đốc (Phó tổng giám đốc), Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Giám đốc (Tổng giám đốc).

2. Các phòng, ban, văn phòng đại diện, đơn vị khác được thành lập để giúp Hội đồng quản trị và Giám đốc (Tổng giám đốc) thực hiện nhiệm vụ quản trị, điều hành phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty. Chức năng, nhiệm vụ của bộ máy giúp việc được quy định cho từng đơn vị, từng thời điểm phù hợp.

CHƯƠNG VII. BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Điều 43. Ban kiểm toán nội bộ

1. Hội đồng quản trị lựa chọn và bổ nhiệm các thành viên Ban kiểm toán nội bộ.
2. Ban kiểm toán nội bộ có ba (03) thành viên, trong đó thành viên Hội đồng quản

trị độc lập làm trưởng Ban kiểm toán nội bộ.

3. Ban kiểm toán nội bộ phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam, Trưởng Ban kiểm toán nội bộ phải hội đủ các tiêu chuẩn được quy định tại điều 44 của điều lệ công ty.

4. Để có thể tiến hành cuộc họp của Ban kiểm toán nội bộ, cần sự có mặt tối thiểu của 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban kiểm toán nội bộ, trong đó có trưởng ban. Trong trường hợp trưởng Ban kiểm toán nội bộ không thể dự họp thì phải uỷ quyền cho thành viên Ban kiểm toán nội bộ còn lại để tiến hành họp.

5. Trong nhiệm kỳ, thành viên Ban kiểm toán nội bộ từ chức hay thôi việc thì Ban kiểm toán nội bộ có thể chỉ định thành viên mới thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên này phải được chấp thuận của cuộc họp Hội đồng quản trị sau đó. Thành viên thay thế đó cũng phải hội đủ các tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm toán nội bộ được quy định theo điều 44 của Điều lệ này. Nhiệm kỳ của thành viên thay thế sẽ bắt đầu từ ngày được Hội đồng quản trị chỉ định và sẽ kết thúc đồng thời với nhiệm kỳ của các thành viên Ban kiểm toán nội bộ đương nhiệm.

Điều 44. Tiêu chuẩn, điều kiện, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm toán nội bộ

1. Kiểm toán nội bộ phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có đủ sức khỏe để đảm đương nhiệm vụ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

b. Có bằng đại học thuộc một trong các chuyên ngành liên quan như: kinh tế, kế toán, tài chính ngân hàng, luật và quản trị kinh doanh.

c. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó Giám đốc (Phó tổng giám đốc), Kế toán trưởng Công ty;

d. Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty;

e. Kiểm toán nội bộ không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

2. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm toán nội bộ

2.1. Kiểm toán nội bộ bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm toán nội bộ theo quy định tại Khoản 1 Điều này;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm toán nội bộ có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.

2.2. Kiểm toán nội bộ bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, Công việc được phân Công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm toán nội bộ quy định của Điều lệ Công ty;

c. Theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 45. Quyền hạn, nhiệm vụ của Ban kiểm toán nội bộ

a. Ban kiểm toán nội bộ thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) trong việc quản lý và điều hành Công ty.

b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá Công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.

d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

e. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các Công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 19 của Điều lệ này.

f. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 19 của Điều lệ này, Ban kiểm toán nội bộ thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm toán nội bộ phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm toán nội bộ quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty,

g. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

h. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

i. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty,

j. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

k. Ban kiểm toán nội bộ có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

l. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định của pháp luật.

g. Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan; thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

h. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào Công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;

i. Ban kiểm toán nội bộ có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm toán nội bộ và cách thức hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ. Ban kiểm toán nội bộ phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.

j. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu (06) tháng và quý;

l. Trưởng ban kiểm toán nội bộ có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm toán nội bộ:

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và các cán bộ quản lý

khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm toán nội bộ;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm toán nội bộ sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 46. Trách nhiệm của Kiểm toán nội bộ

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm toán nội bộ phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm toán nội bộ có được phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có Kiểm toán nội bộ vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm toán nội bộ; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 47. Quyền được cung cấp thông tin, tiền lương và thù lao của Ban kiểm toán nội bộ

1. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm toán nội bộ

a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm toán nội bộ cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

b. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm toán nội bộ cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.

c. Báo cáo của Giám đốc (Tổng giám đốc) trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến các Kiểm toán nội bộ cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

d. Kiểm toán nội bộ có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

e. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về Công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm toán nội bộ hoặc Ban kiểm toán nội bộ.

2. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm toán nội bộ.

a. Kiểm toán nội bộ được hưởng tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Hội đồng quản trị và theo quy chế về tiền lương của Công ty. Hội đồng quản trị quyết định tổng mức lương, thưởng hằng năm của Ban kiểm toán nội bộ;

b. Kiểm toán nội bộ được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm toán nội bộ đã được Hội đồng quản trị chấp thuận, trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định khác;

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG VIII. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 48. Trách nhiệm cần trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm toán nội bộ, Giám đốc (Tổng giám đốc) và cán bộ quản lý (trưởng, phó các phòng, ban và tương đương) khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cần trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 49. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm toán nội bộ, Giám đốc

(Tổng giám đốc) và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm toán nội bộ, Giám đốc (Tổng giám đốc) và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm toán nội bộ, Giám đốc (Tổng giám đốc), cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 50. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm toán nội bộ, Giám đốc (Tổng giám đốc) và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các Công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm toán nội bộ, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phải thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG IX. MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VỚI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Điều 51. Quan hệ giữa Công ty với đơn vị trực thuộc

1. Đơn vị trực thuộc là các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty và hạch toán tập trung tại Công ty; hoạt động không có vốn và tài sản riêng, dưới hình thức Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Công ty.

2. Đơn vị trực thuộc Công ty được ký kết các Hợp đồng kinh tế, thực hiện các hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính, tổ chức nhân sự theo phân cấp của Công ty theo các quy chế, quy định riêng biệt của Công ty.

Điều 52. Quan hệ giữa Công ty với Công ty con

1. Quyết định việc góp vốn, chuyển nhượng vốn của Công ty đầu tư tại Công ty con thực hiện các quyền của cổ đông, thành viên góp vốn theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty con; chịu trách nhiệm về các khoản nợ cũ, nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn mà Công ty đã góp vào Công ty con.

2. Chỉ định Người đại diện để thực hiện các quyền của cổ đông, thành viên góp vốn miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Người đại diện; quyết định lương, thưởng, phụ cấp và các lợi ích khác của Người đại diện; đánh giá đối với Người đại diện. Kiểm tra, giám sát Công ty con theo quy định của pháp luật.

3. Yêu cầu Người đại diện thực hiện các nội dung đã được giao quy định tại Khoản 4 Điều này báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình đầu tư, tài chính, hiệu quả sử dụng vốn của Công ty, kết quả kinh doanh của Công ty con. Nhiệm vụ cho Người đại diện quyết định biểu quyết các nội dung sau của Công ty con:

- a. Mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản doanh nghiệp;
- b. Điều lệ, sửa đổi và bổ sung điều lệ của doanh nghiệp;
- c. Việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ; thời điểm và phương thức huy động vốn; loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán việc mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- d. Việc đề cử đề bầu, kiến nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát. Đề cử đề bổ nhiệm, kiến nghị miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Giám đốc doanh nghiệp. Thù lao, tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc doanh nghiệp; số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Phó giám đốc doanh nghiệp;
- e. Chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển năm (05) năm của doanh nghiệp;
- f. Chủ trương góp vốn, nắm giữ, tăng, giảm vốn Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác; thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác; việc tiếp nhận doanh nghiệp tự nguyện tham gia làm Công ty con, Công ty liên kết;
- g. Chủ trương mua, bán tài sản và hợp đồng vay, cho vay có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% vốn điều lệ của doanh nghiệp hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ của doanh nghiệp; chủ trương vay nợ nước ngoài của doanh nghiệp;
- h. Báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, mức cổ tức hàng năm;
- i. Chế độ tuyển dụng; chế độ thù lao, tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp.
- j. Yêu cầu Người đại diện báo cáo để thực hiện giám sát, kiểm tra thường xuyên và thanh tra theo quy định việc chấp hành pháp luật; việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn Công ty tại doanh nghiệp; việc thực hiện chiến lược, kế hoạch; đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được giao, kết quả hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- k. Các vấn đề khác theo Quy chế quản lý người đại diện của Công ty tại doanh nghiệp khác.

Điều 53. Quan hệ giữa Công ty với Công ty liên kết

1. Quyết định việc góp vốn, chuyển nhượng vốn của Công ty đầu tư tại Công ty liên kết; thực hiện các quyền của cổ đông, thành viên góp vốn theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty liên kết; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn mà Công ty đã góp vào Công ty liên kết.

2. Chỉ định Người đại diện để thực hiện các quyền của cổ đông, thành viên góp vốn; miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Người đại diện tại Công ty liên kết; quyết định lương, thưởng, phụ cấp và các lợi ích khác của Người đại diện; đánh giá đối với Người đại diện.

3. Yêu cầu Người đại diện thực hiện các nhiệm vụ theo Quy chế quản lý người đại diện của Công ty tại doanh nghiệp khác.

Điều 54. Công ty tự nguyện tham gia liên kết với Công ty

Công ty tự nguyện tham gia liên kết với Công ty được thành lập tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật chịu sự ràng buộc về quyền và nghĩa vụ với Công ty theo Hợp đồng hoặc theo Thỏa thuận liên kết giữa Công ty đó với Công ty.

CHƯƠNG X. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH

VÀ HỒ SƠ CỦA CÔNG TY

Điều 55. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 3 Điều 19 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao Công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm toán nội bộ, Giám đốc (Tổng giám đốc) và cán bộ quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản,

ng nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm toán nội bộ, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Điều lệ Công ty phải được Công bố trên website của Công ty.

CHƯƠNG XI. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 56. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Theo quy định của Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.

6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó,

những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 57. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản,

Điều 58. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 59. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt, lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định của pháp luật. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XII. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO

Điều 60. Báo cáo tài chính năm, sáu (06) tháng và quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 63 Điều lệ này và trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ

đồng thông qua cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật kế toán và pháp luật có liên quan.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và Công bố các báo cáo sáu (06) tháng và quý cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật kế toán và pháp luật có liên quan.

4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu (06) tháng và quý của Công ty phải được Công bố trên website của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu (06) tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 61. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và Công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 62. Trình báo cáo hằng năm

1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây;

- a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính;
- c. Báo cáo đánh giá Công tác quản lý, điều hành Công ty.

2. Các báo cáo và tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm toán nội bộ để thẩm định chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

3. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban kiểm toán nội bộ và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính và chi nhánh của Công ty chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư hoặc kế toán và kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem

xét các báo cáo quy định tại Điều này trong thời gian hợp lý.

CHƯƠNG XIII. KIỂM TOÁN

Điều 63. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XIV. CON DẤU

Điều 64. Con dấu

1. Công ty có chính thức 01 con dấu. Nội dung con dấu thể hiện : Tên Công ty mã số Công ty.

2. Trước khi sử dụng con dấu, Công ty có nghĩa vụ thông báo mẫu dấu với cơ quan có thẩm quyền và công khai mẫu dấu theo đúng quy định của Pháp luật.

3. Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và các cá nhân có thẩm quyền liên quan sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của Hội đồng quản trị Công ty và pháp luật có liên quan.

4.

CHƯƠNG XV. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 65. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 66. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi chấm dứt hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các Công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho Công nhân viên;
- c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản nợ khác của Công ty;
- f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XVI. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 67. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ này, Luật

Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm toán nội bộ, Giám đốc (Tổng giám đốc) hay cán bộ quản lý;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra giải quyết tại Toà án có thẩm quyền.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

CHƯƠNG XVII. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 68. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XVIII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 69. Ngày hiệu lực

1. Điều lệ này gồm 18 Chương 69 Điều, được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 tổ chức vào ngày 23 tháng 8 năm 2019

2. Điều lệ được lập thành năm (05) bản gốc, có giá trị như nhau, được lưu giữ tại

trụ sở chính của Công ty và cơ quan đăng ký kinh doanh.

Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này chỉ có giá trị khi có chữ ký của Đại diện theo pháp luật Công ty hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một nửa (1/2) thành viên Hội đồng quản trị.



SOLAVINA

Số: 09/2019/TTr-SOLA

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2019

TỜ TRÌNH*(Về việc thông qua quy chế quản trị nội bộ Công ty)*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Solavina

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP do Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính thông qua ngày 22/09/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Solavina;

Căn cứ vào tình hình hoạt động thực tế của Công ty Cổ phần Solavina và sự cần thiết trong việc thiết lập các nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cổ đông cũng như Công ty, Hội đồng quản trị (HDQT) đã đưa ra dự thảo Quy chế quản trị nội bộ Công ty chi tiết tại Phụ lục được đính kèm tờ trình. Nội dung quy chế được xây dựng dựa trên tham chiếu mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC và nhu cầu thực tế, đặc thù trong tổ chức hoạt động, điều hành của Công ty.

HDQT kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Quy chế quản trị nội bộ và ủy quyền cho HDQT được chủ động hoàn thiện để phát hành bản chính thức của Quy chế phù hợp với quy định của Pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua!

Xin trân trọng cảm ơn!**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT, HDQT;

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**NGUYỄN HỒNG QUANG**



QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

(Ban hành theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 08 năm 2019)

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định, hướng dẫn các vấn đề liên quan đến quản trị công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Ban kiểm toán nội bộ;
- d. Giao dịch với người có liên quan;
- e. Báo cáo và công bố thông tin.

2. Đối tượng áp dụng

- a. Công ty;
- b. Cổ đông công ty và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của cổ đông;
- c. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm toán nội bộ, người điều hành doanh nghiệp của công ty và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của các đối tượng này;
- d. Tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan đến công ty.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Quản trị công ty là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:
 - a. Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
 - b. Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm toán nội bộ ;
 - c. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
 - d. Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;

- e. Công khai minh bạch mọi hoạt động của công ty.
2. Cổ đông lớn là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán.
3. Người quản lý doanh nghiệp được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật doanh nghiệp.
4. Người điều hành doanh nghiệp là Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó Giám đốc (Phó tổng giám đốc), Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó Giám đốc (Phó tổng giám đốc), Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
6. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp.
7. Người phụ trách quản trị công ty là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Quy chế này.
8. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng pháp luật chuyên ngành

Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị công ty khác với quy định tại Quy chế này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

CHƯƠNG II. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 114, Điều 115 của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra cổ đông công ty có các quyền sau đây:
 - a. Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - b. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do công ty công bố theo quy định của pháp luật.
2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty, cổ đông có quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ quyết định đó theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Điều 5. Nghĩa vụ của cổ đông lớn

Cổ đông lớn có nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:

- a. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của công ty và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

b. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Điều lệ công ty

Điều lệ công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua và không được trái với Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các quy định tại Quy chế này và văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 7. Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Quy chế nội bộ về quản trị công ty được Hội đồng quản trị xây dựng, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quy chế nội bộ về quản trị công ty không được trái với quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 8. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo các quy định sau:

1. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 18, Điều 19 và Điều 20 Điều lệ Công ty, bao gồm các nội dung chính:
 - Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
 - Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;
 - Cách thức bỏ phiếu;
 - Cách thức kiểm phiếu;
 - Thông báo kết quả kiểm phiếu;
 - Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông (theo quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp);
 - Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông
2. Công ty phải tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và các quy định nội bộ của công ty. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
3. Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm, thời gian họp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 7 Điều 136 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
4. Công ty cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 140 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
5. Hàng năm, Công ty phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Luật doanh nghiệp. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo

tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

6. Nội dung, trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản và các vấn đề có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty.

Điều 9. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 136 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Thủ lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 158 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;
3. Kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị (nếu có);
4. Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị;
5. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);
6. Kết quả giám sát đối với Giám đốc;
7. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;
8. Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 10. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Trường hợp công ty đại chúng hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 134 Luật doanh nghiệp, Báo cáo hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm d điểm đ khoản 2 Điều 136 Luật doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Thủ lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm toán nội bộ và từng Kiểm toán nội bộ theo quy định tại Điều lệ công ty;
2. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm toán nội bộ và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm toán nội bộ;
3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;
4. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;
5. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm toán nội bộ với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ

đồng trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu, ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty.

Công ty phải đảm bảo cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền đề cử ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều 25 Điều lệ công ty.
3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 114 Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của công ty. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 151 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc từ ngày 01 tháng 08 năm 2020.
3. Thành viên Hội đồng quản trị của 01 Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác từ ngày 01 tháng 08 năm 2019.

Điều 13. Thành phần Hội đồng quản trị

- 1 Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty ít nhất là 03 người và nhiều nhất là 11 người. Cơ cấu Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty và có xét yếu tố về giới.
- 2 Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành và các thành viên không điều hành. Tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên không điều hành.
- 3 Công ty cần hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.

Điều 14. Quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều 27 Điều lệ công ty, ngoài ra phải đảm bảo các trách nhiệm sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;
 - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c. Báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của công ty;
 - d. Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 15. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra Hội đồng quản trị có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của công ty;
2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty;
3. Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty;
4. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
5. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý 01 lần theo trình tự được quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của công ty. Việc tổ chức họp Hội đồng quản trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng, Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản cuộc họp, Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

- Hàng năm, Hội đồng quản trị yêu cầu thành viên độc lập có báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị và báo cáo đánh giá này có thể được công bố tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 17. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị của công ty

- Hội đồng quản trị công ty có thể thành lập các tiểu ban hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị là tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng và các tiểu ban khác. Hội đồng quản trị cần bổ nhiệm 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị làm trưởng ban các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng. Việc thành lập các tiểu ban phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.
- Trường hợp, không thành lập các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng, Hội đồng quản trị có thể phân công thành viên độc lập Hội đồng quản trị giúp Hội đồng quản trị trong các hoạt động nhân sự, lương thưởng.
- Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập tiểu ban, trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của thành viên của tiểu ban hoặc trách nhiệm của thành viên độc lập được cử phụ trách về nhân sự, lương thưởng.

Điều 18. Người phụ trách quản trị công ty

- Hội đồng quản trị của công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp.
- Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.
- Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;
 - Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm toán nội bộ và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm toán nội bộ;
 - Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - Tham dự các cuộc họp;
 - Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;
 - Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm toán nội bộ;
 - Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
 - Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG IV. BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Điều 19. Ứng cử, đề cử Kiểm toán nội bộ

- Hội đồng quản trị lựa chọn và bổ nhiệm các thành viên Ban kiểm toán nội bộ được quy định tại điều 43 Điều lệ Công ty.

2. Trong nhiệm kỳ, thành viên Ban kiểm toán nội bộ từ chức hay thôi việc thì Ban kiểm toán nội bộ có thể chỉ định thành viên mới thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên này phải được chấp thuận của cuộc họp Hội đồng quản trị sau đó. Thành viên thay thế đó cũng phải hội đủ các tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm toán nội bộ được quy định theo điều 44 của Điều lệ này. Nhiệm kỳ của thành viên thay thế sẽ bắt đầu từ ngày được Hội đồng quản trị chỉ định và sẽ kết thúc đồng thời với nhiệm kỳ của các thành viên Ban kiểm toán nội bộ đương nhiệm.

Điều 20. Kiểm toán nội bộ

1. Số lượng Kiểm toán nội bộ có ba (03) thành viên, có hơn nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
2. Kiểm toán nội bộ phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có đủ sức khỏe để đảm đương nhiệm vụ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
 - b. Có bằng đại học thuộc một trong các chuyên ngành liên quan như: kinh tế, kế toán, tài chính ngân hàng, luật và quản trị kinh doanh.
 - c. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó Giám đốc (Phó tổng giám đốc), Kế toán trưởng Công ty;
 - d. Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty;
 - e. Kiểm toán nội bộ không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.
3. Trưởng Ban kiểm toán nội bộ là thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty.

Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm toán nội bộ

1. Kiểm toán nội bộ có các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của Kiểm toán nội bộ.
2. Kiểm toán nội bộ có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Công ty có thể hướng dẫn quy định về hoạt động và thực thi nhiệm vụ của Kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm toán nội bộ

Ban kiểm toán nội bộ có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 45 Điều lệ công ty, ngoài ra Ban kiểm toán nội bộ có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
3. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm toán nội bộ với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông;

4. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
5. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Cuộc họp của Ban kiểm toán nội bộ

1. Ban kiểm toán nội bộ phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số Kiểm toán nội bộ. Biên bản họp Ban kiểm toán nội bộ được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các Kiểm toán nội bộ tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm toán nội bộ phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm toán nội bộ.
2. Ban kiểm toán nội bộ có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm toán nội bộ quan tâm.

CHƯƠNG V. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 24. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm toán nội bộ, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm toán nội bộ, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm toán nội bộ, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm toán nội bộ về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch của các đối tượng nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm toán nội bộ, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 25. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện.

2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của công ty và gây tổn hại cho lợi ích của công ty thông qua việc kiểm soát các giao dịch, mua bán, giá cả hàng hóa và dịch vụ của công ty.
3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của công ty.

Điều 26. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này

1. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.
2. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ trường hợp sau đây:

Cổ đông là công ty con trong trường hợp công ty con là các công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của Công ty trước ngày 01 tháng 7 năm 2015 theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp.
3. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp sau đây:
 - a. Công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - b. Trường hợp pháp luật có quy định khác.
4. Trừ trường hợp các giao dịch được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Công ty không được thực hiện giao dịch sau:
 - a. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm toán nội bộ, Giám đốc, các người quản lý khác và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này, trừ trường hợp Công ty và tổ chức có liên quan đến cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
 - b. Giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
 - o Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm toán nội bộ, Giám đốc, các người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - o Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;
 - o Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật doanh nghiệp.

5. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch tại điểm b khoản 4 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 27. Đảm bảo quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến công ty

1. Công ty phải thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và người có quyền lợi liên quan đến công ty theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty.
2. Công ty phải tuân thủ các quy định pháp luật về lao động, môi trường và xã hội.

CHƯƠNG VI. BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 28. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng. Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Việc công bố thông tin được thực hiện bảo đảm cổ đông và công chúng có thể tiếp cận công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

Điều 29. Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý công ty

1. Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động công ty theo quy định tại Điều 134 Luật doanh nghiệp.
2. Trong trường hợp công ty thay đổi mô hình hoạt động, Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định thay đổi mô hình.

Điều 30. Công bố thông tin về quản trị công ty

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ 06 tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Điều 31. Công bố thông tin về thu nhập của Giám đốc

Tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 32. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm toán nội bộ, Giám đốc

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 22 Quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm toán nội bộ, Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm toán nội bộ trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
2. Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc cổ đông lớn.

Điều 33. Tổ chức công bố thông tin

1. Công ty phải xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin của công ty theo quy định tại Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.
2. Công ty phải có ít nhất một nhân viên công bố thông tin. Nhân viên công bố thông tin của Công ty có trách nhiệm sau:
 - a. Công bố các thông tin của công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - b. Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông liên hệ.

CHƯƠNG VII. GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 34. Giám sát về quản trị công ty

1. Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, chính xác các thông tin, tài liệu, dữ liệu liên quan đến hoạt động quản trị công ty và giải trình các sự việc liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
2. Trường hợp công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan không tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều này bị xử lý theo quy định pháp luật.

Điều 35. Xử lý vi phạm về quản trị công ty

Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan vi phạm quy định về quản trị công ty theo Quy chế này bị xử phạt theo quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với các hành vi vi phạm quy định về quản trị công ty đại chúng.



NGUYỄN HỒNG QUANG



Số: 10/2019/TTr-SOLA

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2019

TỜ TRÌNH

(Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Solavina

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Solavina;

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp 2014 cho phép Công ty cổ phần có thể lựa chọn mô hình hoạt động có Ban kiểm soát hay không trong cơ cấu tổ chức quản trị của Công ty. Quy định này phù hợp với thông lệ quốc tế và thực tế đa dạng của doanh nghiệp về quy mô, sở hữu và cách thức quản trị Công ty như hiện nay ở Việt Nam.

Căn cứ tình hình hoạt động thực tế của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Solavina kính trình Đại hội xem xét và thông qua:

1. Cơ cấu quản lý Công ty theo Điểm b khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp 2014 bao gồm:
 - Đại hội đồng cổ đông;
 - Hội đồng quản trị;
 - Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị;
 - Giám đốc.
2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện sửa đổi bổ sung Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các văn bản khác có liên quan phù hợp với cơ cấu quản trị công ty mới và quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT;



NGUYỄN HỒNG QUANG



TỜ TRÌNH

(Về việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
Công ty Cổ phần Solavina

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Solavina;

Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh và năng lực lãnh đạo, điều hành Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua việc Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm Tổng Giám đốc Công ty năm 2019.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT, BKS.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGUYỄN HỒNG QUANG



TỜ TRÌNH

(Về việc ủy quyền HĐQT phê duyệt các nội dung khác thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Solavina

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Solavina;

Theo kế hoạch, trong năm 2019 Công ty sẽ tái cơ cấu quản trị và các khoản đầu tư. Để chủ động trong quá trình công tác, đảm bảo hoàn thành kế hoạch đề ra, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền Hội đồng quản trị chủ động quyết định và triển khai các nội dung thực hiện các công việc đã được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua (bao gồm cả việc triển khai thực hiện các trình tự, thủ tục, làm việc với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đạt được mục tiêu kế hoạch đặt ra trong năm 2019 phù hợp với quy định pháp luật hiện hành). Ngoài ra, trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền hội đồng quản trị được triển khai tất cả các vấn đề khác thuộc thẩm quyền phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông và thực hiện báo cáo lại tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất mà không phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường.

Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT phê duyệt các giao dịch của Công ty với các cá nhân, tổ chức có liên quan theo quy định tại điểm a, khoản 4 Điều 26 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2016 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng với Công ty đại chúng.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền Hội đồng quản trị quyết định đầu tư, ký kết các giao dịch bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, thực hiện báo cáo kết quả tại đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Kính trình đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT;

M.S. N: 0101612880 - C
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CỔ PHẦN
SOLAVINA
Q. ĐÔNG ĐÀ - TP. HÀ NỘI
NGUYỄN HỒNG QUANG



TỜ TRÌNH

(Về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Solavina

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Solavina;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị đối với các ông bà sau:

1. Ông Lê Trường Sơn –Thành viên HĐQT.
2. Bà Trần Thị Chinh –Thành viên HĐQT.
3. Bà Bùi Thị Ngọc Yến –Thành viên HĐQT.
4. Nguyễn Ngọc Anh - Thành viên HĐQT.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát đối với các ông bà sau:

1. Bà Lý Thị Thu Hương –Trưởng Ban kiểm soát.
2. Ông Cao Đình Huỳnh – Thành viên BKS.
3. Bà Nguyễn Thị Lan Hương – Thành viên BKS.

Kính trình đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT;



NGUYỄN HỒNG QUANG